

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

BÀI VIẾT
TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH
THỰC THI HIỆP ĐỊNH UKVFTA TRONG HOẠT
ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG DỆT MAY CỦA
VIỆT NAM VỚI THỊ TRƯỜNG ANH TRONG 7
THÁNG ĐẦU NĂM 2025

THUỘC NHIỆM VỤ
“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai
Hiệp định UKVFTA năm 2025”

Năm 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC BIỂU ĐỒ	3
DANH MỤC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH	5
TÓM TẮT	6
1. NHẬP KHẨU HÀNG DỆT MAY TỪ VIỆT NAM VÀO VƯƠNG QUỐC ANH	9
1.1. Nhập khẩu hàng dệt may từ Việt Nam vào thị trường Anh	9
1.2. Nhập khẩu theo nhóm HS 62 (quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc)	9
1.3. Đánh giá tác động của hiệp định UKVFTA	14
2. THỊ TRƯỜNG DỆT MAY VƯƠNG QUỐC ANH VÀ CƠ HỘI CHO HÀNG DỆT MAY VIỆT NAM.....	17
2.1. Tình hình thị trường dệt may của UKVFTA.....	17
2.1.2. Một số tiến bộ công nghệ trong thị trường vải thông minh và dệt may của Vương quốc Anh	17
2.1.3. Hiệp hội Thời trang và Dệt may Vương quốc Anh (UKFT) triển khai Khảo sát Bền vững lớn nhằm thúc đẩy thay đổi toàn ngành ()	18
2.2. Nhập khẩu dệt may từ các thị trường vào Vương quốc Anh	19
2.2.1. Nhập khẩu chung	19
2.2.2. Thị trường cung cấp nhóm HS 6203 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai)	26
2.2.3. Thị trường cung cấp nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái)	30
2.3. Xuất khẩu dệt may của Vương quốc Anh	36
2.3.1. Xuất khẩu chung	36

2.3.2. Thị trường xuất khẩu nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái)	37
2.4. Tham khảo doanh nghiệp tham gia nhập khẩu hàng dệt may của Vương quốc Anh	42
3. CẬP NHẬT CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH HÀNG DỆT MAY TẠI THỊ TRƯỜNG UKVFTA.....	47
3.1. Bản cập nhật của Hiệp hội Thời trang và Dệt may Vương quốc Anh (UKFT) về thỏa thuận thuế quan giữa Hoa Kỳ và EU	47
3.2. Bảy lĩnh vực chính sách và ưu tiên chính của UKFT	48
3.3. Sách trắng - Tương lai của Quy định về Thời trang tại Vương quốc Anh	49

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ cột 1: Tỷ trọng trị giá nhập khẩu hàng dệt, may từ Việt Nam trên tổng trị giá nhập khẩu hàng dệt, may vào Vương quốc Anh từ tháng 1/2024 tới tháng 6/2025.....	9
Biểu đồ cột 2: Trị giá nhập khẩu nhóm HS 620343 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: Từ sợi tổng hợp) từ Việt Nam vào Vương quốc Anh từ tháng 1/2024 tới tháng 6/2025	11
Biểu đồ cột 3: Tỷ trọng trị giá xuất khẩu hàng dệt, may sang Anh trên tổng trị giá xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam từ tháng 1/2024 tới tháng 7/2025 ..	15
Biểu đồ cột 4: Trị giá nhập khẩu hàng dệt, may vào Vương quốc Anh từ tháng 1/2024 tới tháng 6/2025	20
Biểu đồ cột 5: Trị giá nhập khẩu nhóm HS 6203 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai) vào Vương quốc Anh từ tháng 1/2024 tới tháng 6/2025	26
Biểu đồ cột 6: Trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho	

phụ nữ hoặc trẻ em gái) vào Vương quốc Anh từ tháng 1/2024 tới tháng 6/2025	31
Biểu đồ tròn 7: Cơ cấu thị trường cung ứng nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái) nhập khẩu vào Vương quốc Anh tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2025	32
Biểu đồ cột 8: Trị giá xuất khẩu hàng dệt, may của Vương quốc Anh từ tháng 1/2024 tới tháng 6/2025	37
Biểu đồ cột 9: Trị giá xuất khẩu nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái) của Vương quốc Anh từ tháng 1/2024 tới tháng 6/2025.....	38

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Trị giá hàng dệt may theo nhóm HS 62 từ Việt Nam nhập khẩu vào Vương quốc Anh trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2025	12
Bảng 2: Trị giá hàng dệt may theo nhóm HS 62 (quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc) nhập khẩu vào Vương quốc Anh trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2025	21
Bảng 3: Thị trường cung ứng nhóm HS 6203 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai) nhập khẩu vào Vương quốc Anh trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2025	28
Bảng 4: Thị trường cung ứng nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái) nhập khẩu vào Vương quốc Anh trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2025	34
Bảng 5: Thị trường xuất khẩu nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái) của Vương quốc Anh trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2025	40

Bảng 6: Danh sách doanh nghiệp của Vương quốc Anh nhập khẩu hàng dệt may theo mã HS 620311 (bộ com-lê: Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn) 42

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Thị trường cung ứng nhóm HS 6203 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai) nhập khẩu vào Vương quốc Anh 6 tháng đầu năm 2025..... 27

Hình 2: Thị trường xuất khẩu nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái) của Vương quốc Anh 6 tháng đầu năm 2025..... 39

Ghi chú:

Phạm vi thống kê hàng dệt may của Vương quốc Anh gồm các mã HS: 61 (6101, 6102, 6103, 6104, 6105, 6106, 6107, 6108, 6109, 6110, 6111, 6112, 6113, 6114, 6115, 6116), 62 (6201, 6202, 6203, 6204, 6205, 6206, 6207, 6208, 6209, 6210, 6211, 6212, 6213, 6214, 6215, 6216), 63 (6301, 6302, 6303, 6304)

TÓM TẮT

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-Vương quốc Anh (UKVFTA) tiếp tục góp phần làm tăng xuất khẩu dệt may Việt Nam, giúp tăng trị giá và thị phần của hàng dệt may tại thị trường Anh.

Thứ nhất, về trị giá: Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, trị giá xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang Anh trong tháng 7/2025 đạt 89,13 triệu USD, tăng thêm 0,55% so với tháng 6/2025 và tăng 9,15% so với tháng 7/2024. Tính chung 7 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang Anh đạt 525,50 triệu USD, tăng 21,92% so với 7 tháng đầu năm 2024.

Thứ hai, về thị phần: Theo số liệu thống kê của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh, thị phần của hàng dệt, may từ Việt Nam trong tổng giá trị nhập khẩu nhóm hàng này vào Vương quốc Anh tăng liên tục trong 3 tháng qua. Tháng 6/2025, chiếm tỷ trọng 3,77% trong tổng trị giá nhập khẩu hàng dệt, may vào Vương quốc Anh và chiếm 3,28% trong 6 tháng đầu năm 2025 (cùng kỳ năm 2024 chiếm tỷ trọng là 2,93% và 2,81%).

Nhập khẩu hàng dệt may vào Vương quốc Anh từ Việt Nam

- Theo số liệu thống kê của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh, trị giá nhập khẩu hàng dệt, may từ Việt Nam vào Vương quốc Anh trong tháng 6/2025 đạt 46,20 triệu bảng Anh, đổi chiều giảm 5,24% so với tháng 5/2025 nhưng tăng 27,53% so với tháng 6/2024. Tỷ trọng nhập khẩu hàng dệt, may từ Việt Nam vào Vương quốc Anh tăng liên tục trong 3 tháng qua. Tháng 6/2025, chiếm tỷ trọng 3,77% trong tổng trị giá nhập khẩu hàng dệt, may vào Vương quốc Anh.

- Tính chung 6 tháng đầu năm 2025: 3 nhóm hàng có trị giá nhập khẩu lớn thuộc mã HS 62 từ Việt Nam vào Vương quốc Anh đều tăng so với 6 tháng đầu năm 2024 là (theo trị giá từ lớn tới nhỏ): nhóm HS 620343 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: từ sợi tổng hợp) tăng 45,22%, HS 620140 (áo khoác, áo gió, áo jacket từ sợi nhân tạo) tăng 59,1%, HS 621210 (xu chiêng) tăng 147,06%, cùng nhóm HS 620240, HS 620463, HS 620469 có trị giá tăng.

Tình hình thương mại dệt may trong UKVFTA

- Trị giá nhập khẩu hàng dệt, may vào Vương quốc Anh trong tháng 6/2025 đạt 1,23 tỷ bảng Anh, đổi chiều giảm 12,56% so với tháng 5/2025 và giảm 0,74% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu hàng dệt, may vào Vương quốc Anh đạt 7,92 tỷ bảng Anh, tăng 4,89% so với 6 tháng đầu năm 2024.

- Nhóm HS 62 nhập khẩu vào Vương quốc Anh trong 6 tháng đầu năm 2025: nhóm hàng có trị giá nhập khẩu lớn nhất là HS 620342 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: từ bông) giảm 2,99%, cùng các nhóm hàng HS 620640 (áo blouse, sơ mi và sơ mi cách điệu (shirt-blouses) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái từ sợi nhân tạo) giảm 5,22%, HS 620449 (váy liền thân: từ các vật liệu dệt khác) giảm 10,77%, HS 621143 (quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái: từ sợi nhân tạo) giảm 9,39%, HS 621133 (quần áo khác, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai: từ sợi nhân tạo) giảm 0,6%,...

- Trị giá nhập khẩu nhóm HS 6203 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai) vào Vương quốc Anh trong tháng 6/2025 đạt 109,60 triệu bảng Anh, đổi chiều giảm 13,02% so với tháng 5/2025 nhưng tăng 6,37% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu nhóm HS 6203 vào Vương quốc Anh đạt 697,42 triệu bảng Anh, tăng 5,28% so với 6 tháng đầu năm 2024.

- Trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái) vào Vương quốc Anh trong tháng 6/2025 đạt 172,93 triệu bảng Anh, đổi chiều giảm 28,85% so với tháng 5/2025 và giảm 6,82% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh đạt 1,20 tỷ bảng Anh, tăng 3,81% so với 6 tháng đầu năm 2024.

- Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu nhóm HS 6204 của Vương quốc Anh đạt 238,80 triệu bảng Anh, giảm 14,09% so với 6 tháng đầu năm 2024, do xuất khẩu sang 72/122 thị trường có trị giá giảm. Trong đó, thị trường có trị giá lớn thứ hai là Hoa Kỳ (với 27,16 triệu bảng Anh, giảm

41,54%), thị trường có trị giá lớn thứ ba là Pháp (với 24,42 triệu bảng Anh, giảm 9,12%), thị trường I-ta-li-a (với 18,43 triệu bảng Anh, giảm 25,03%), cùng với thị trường Hà Lan, Hồng Kông (Trung Quốc), Ả Rập Xê Út, Thụy Sĩ, Cô-oét, Ô-xtrây-li-a, Ma Cao (Trung Quốc)... có trị giá giảm.

- Có hơn 200 doanh nghiệp của Vương quốc Anh tham gia nhập khẩu mã HS 620311 (bộ com-lê: Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn) trong 6 tháng đầu năm 2025.

Quy định, chính sách liên quan đến hàng dệt may tại thị trường UKVFTA (cập nhật phần chính sách lên)

- Bản cập nhật của UKFT về thỏa thuận thuế quan giữa Hoa Kỳ và EU với những ảnh hưởng tới ngành dệt may của Vương quốc Anh.

- Thị trường vải và dệt may thông minh của Vương quốc Anh đang đi đầu trong việc tích hợp công nghệ, chứng kiến những tiến bộ nhanh chóng giúp nâng cao chức năng và trải nghiệm người dùng. Đồng thời, ngành dệt may Vương quốc Anh sẽ tập trung chuyển đổi sang mô hình tuần hoàn thông qua Hiệp ước Dệt may Vương quốc Anh, yêu cầu áp dụng Hộ chiếu Sản phẩm Kỹ thuật số để minh bạch hóa chuỗi cung ứng và tăng cường các chương trình Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất (EPR) cho ngành dệt may.

NỘI DUNG THÔNG TIN

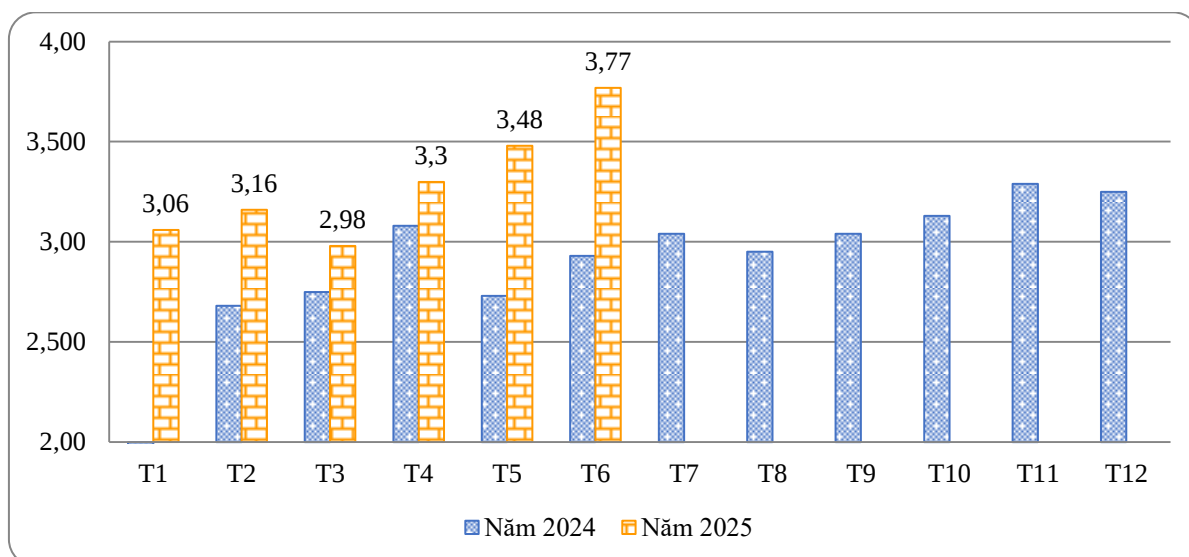
1. NHẬP KHẨU HÀNG DỆT MAY TỪ VIỆT NAM VÀO VƯƠNG QUỐC ANH

1.1. Nhập khẩu hàng dệt may từ Việt Nam vào thị trường Anh

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh, trị giá nhập khẩu hàng dệt, may từ Việt Nam vào Vương quốc Anh trong tháng 6/2025 đạt 46,20 triệu bảng Anh, đổi chiều giảm 5,24% so với tháng 5/2025 nhưng tăng 27,53% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu hàng dệt, may từ Việt Nam vào Vương quốc Anh đạt 259,93 triệu bảng Anh, tăng 22,59% so với 6 tháng đầu năm 2024.

Biểu đồ cột 1: Tỷ trọng trị giá nhập khẩu hàng dệt, may từ Việt Nam trên tổng trị giá nhập khẩu hàng dệt, may vào Vương quốc Anh từ tháng 1/2024 tới tháng 6/2025

ĐVT: % theo trị giá



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh

1.2. Nhập khẩu theo nhóm HS 62 (quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc)

Trong tháng 6/2025:những nhóm hàng HS 6 chữ số nhập khẩu từ Việt Nam vào Vương quốc Anh có trị giá tăngso với tháng 5/2025 (xếp theo trị giá giảm dần) gồm:nhóm có trị giá lớn nhấtlà HS 621210 (xu chiêng) tăng 11,05%,

HS 620140 (áo khoác, áo gió, áo jacket từ sợi nhân tạo) tăng 8,46%, tiếp đến nhóm có trị giá lớn thứ hai là HS 620240 (áo khoác, áo gió, áo jacket từ sợi nhân tạo) tăng 51,13%, HS 620333 (áo jacket và áo blazer: từ sợi tổng hợp) tăng 37,59%, cùng nhóm HS 620230 (áo khoác, áo gió, áo jacket từ bông) tăng 95,83%, HS 621030 (quần áo bảo hộ dùng trong công nghiệp: quần áo khác, loại được mô tả trong nhóm 62.02) tăng 287,53%,... Ngược lại, nhóm HS 620343 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: từ sợi tổng hợp) giảm 28,84%, HS 620463 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: từ sợi tổng hợp) giảm 32,71%, HS 620520 (áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai từ bông) giảm 29,82%, HS 620443 (váy liền thân: từ sợi tổng hợp) giảm 29,2%, HS 620433 (áo jacket và áo blazer: từ sợi tổng hợp) giảm 27,77%, HS 620342 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: từ bông) giảm 0,58%,...

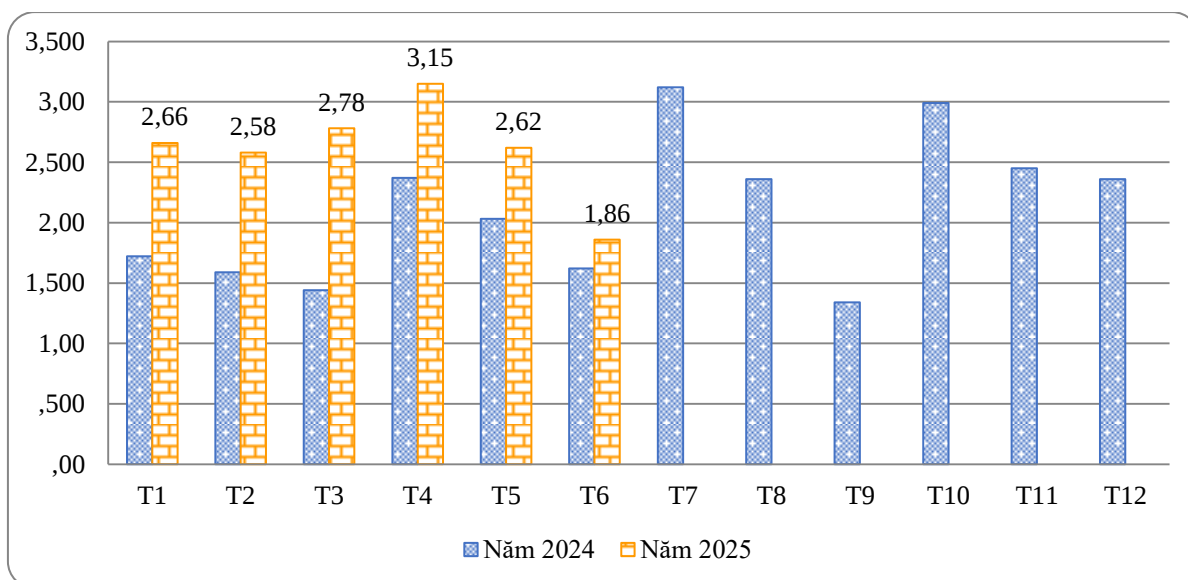
Tính chung 6 tháng đầu năm 2025: 3 nhóm hàng có trị giá nhập khẩu lớn đều tăng so với 6 tháng đầu năm 2024 là (theo trị giá từ lớn tới nhỏ): nhóm HS 620343 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: từ sợi tổng hợp) tăng 45,22%, HS 620140 (áo khoác, áo gió, áo jacket từ sợi nhân tạo) tăng 59,1%, HS 621210 (xu chiêng) tăng 147,06%, cùng nhóm HS 620240 (áo khoác, áo gió, áo jacket từ sợi nhân tạo) tăng 68,14%, HS 620463 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: từ sợi tổng hợp) tăng 0,56%, HS 620469 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: từ các vật liệu dệt khác) tăng 14,71%,... Ngược lại, nhóm HS 620520 (áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai từ bông) giảm 37,64%, HS 620433 (áo jacket và áo blazer: từ sợi tổng hợp) giảm 13,5%, HS 620333 (áo jacket và áo blazer: từ sợi tổng hợp) giảm 11,74%, HS 621133 (quần áo khác, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai: từ sợi nhân tạo) giảm 20,23%, HS 620342 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: từ bông) giảm 22,4%,...

Trong 6 tháng đầu năm 2025, nhóm HS 620343 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: Từ sợi tổng hợp) có trị giá nhập khẩu lớn nhất từ Việt Nam vào Vương quốc Anh trong nhóm HS 62. Tháng 6/2025, trị giá nhập khẩu nhóm HS 620343 đạt 1,86 triệu bảng Anh, giảm thêm 28,84% so với tháng 5/2025 nhưng tăng 14,92% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu nhóm HS 620343 từ Việt Nam

vào Vương quốc Anh đạt 15,65 triệu bảng Anh, tăng 45,22% so với 6 tháng đầu năm 2024.

Biểu đồ cột 2: Trị giá nhập khẩu nhóm HS 620343 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc: Từ sợi tổng hợp) từ Việt Nam vào Vương quốc Anh từ tháng 1/2024 tới tháng 6/2025

ĐVT: Triệu bảng Anh



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh

- Nhập khẩu nhóm HS 620343 nhập khẩu từ Việt Nam tháng 6/2025 chiếm tỷ trọng 5,31% trong tổng trị giá nhập khẩu nhóm HS 620343 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc: Từ sợi tổng hợp) vào Vương quốc Anh và chiếm 7,86% trong 6 tháng đầu năm 2025 (cùng kỳ năm 2024 chiếm tỷ trọng là 5,79% và 6,26%).

- Xét trong tổng nhóm HS 6203 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai) nhập khẩu từ Việt Nam vào Vương quốc Anh: Trong tháng 6/2025, nhóm HS 620343 chiếm tỷ trọng 51,36% trong tổng trị giá nhóm HS 6203 nhập khẩu vào Vương quốc Anh từ Việt Nam. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, nhóm HS 620343 chiếm tỷ trọng 53,55% trong tổng trị giá nhóm HS 6203 nhập khẩu.

Bảng 1: Trị giá hàng dệt may theo nhóm HS 62 từ Việt Nam nhập khẩu vào Vương quốc Anh trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2025

Mã HS	Mô tả	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025	
		Trị giá (triệu Bảng Anh)	So với 5/2025 (%)	So với tháng 6/2024 (%)	Trị giá (triệu Bảng Anh)	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)
6201	Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (car-coats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, trừ các loại thuộc nhóm 62.03	2,57	1,27	71,20	15,75	61,47
620130	Từ bông	0,18	-45,05	170,75	1,10	210,58
620140	Từ sợi nhân tạo	2,39	8,46	66,71	14,36	59,10
6202	Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (car-coats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, trừ loại thuộc nhóm 62.04	2,56	57,51	81,63	11,93	55,07
620230	Từ bông	0,54	95,83	59,43	1,92	17,82
620240	Từ sợi nhân tạo	2,01	51,13	88,61	9,92	68,14
6203	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai	3,63	-30,14	2,91	29,22	20,06
620331	Áo jacket và áo blazer: Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	0,17	-47,01	148,47	1,64	47,86
620333	Áo jacket và áo blazer: Từ sợi tổng hợp	0,82	37,59	16,77	3,90	-11,74
620339	Áo jacket và áo blazer: Từ các vật liệu dệt khác	0,21	-62,19	50,64	1,96	64,96
620341	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc: Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	0,17	-21,09	223,02	1,04	85,20
620342	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc: Từ bông	0,31	-0,58	-39,51	3,26	-22,40
620343	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc: Từ sợi tổng	1,86	-28,84	14,92	15,65	45,22

Mã HS	Mô tả	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025	
		Trị giá (triệu Bảng Anh)	So với 5/2025 (%)	So với tháng 6/2024 (%)	Trị giá (triệu Bảng Anh)	So với 6tháng đầu năm 2024 (%)
	hợp					
620349	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: Từ các vật liệu dệt khác	0,07	-78,30	-17,60	1,00	44,60
6204	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái	3,43	-32,74	31,87	30,07	5,55
620433	Áo jacket và áo blazer: Từ sợi tổng hợp	0,44	-27,77	32,44	4,01	-13,50
620439	Áo jacket và áo blazer: Từ các vật liệu dệt khác	0,13	-59,66	58,75	1,95	5,65
620442	Váy liền thân: Từ bông	0,14	33,59	385,74	0,85	84,99
620443	Váy liền thân: Từ sợi tổng hợp	0,59	-29,20	7,44	4,16	0,38
620444	Váy liền thân: Từ sợi tái tạo	0,30	-29,26	20,08	2,38	2,74
620453	Các loại chân váy (skirt) và chân váy dạng quần: Từ sợi tổng hợp	0,23	142,97	114,45	0,67	11,18
620459	Các loại chân váy (skirt) và chân váy dạng quần: Từ các vật liệu dệt khác	0,07	-34,70	570,29	0,56	78,31
620462	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: Từ bông	0,15	-43,85	56,06	1,15	14,45
620463	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: Từ sợi tổng hợp	0,93	-32,71	49,84	8,18	0,56
620469	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: Từ các vật liệu dệt khác	0,27	-63,05	-38,21	4,78	14,71
6205	Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai	1,11	-8,89	-50,15	6,54	-23,54
620520	Từ bông	0,67	-29,82	-68,64	4,75	-37,64
620530	Từ sợi nhân tạo	0,20	202,71	155,26	0,96	31,78
620590	Từ các vật liệu dệt khác	0,24	19,90	1.357,85	0,83	307,71
6206	Áo blouse, sơ mi và sơ mi cách điệu (shirt-blouses) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái	0,39	-46,25	-6,10	4,37	15,42
620630	Từ bông	0,06	-31,27	46,26	0,62	169,34
620640	Từ sợi nhân tạo	0,29	-37,65	-19,85	3,32	6,57
6207	Áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác, quần lót (underpants), quần	0,31	50,60	399,49	0,74	52,24

Mã HS	Mô tả	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025	
		Trị giá (triệu Bảng Anh)	So với 5/2025 (%)	So với tháng 6/2024 (%)	Trị giá (triệu Bảng Anh)	So với 6tháng đầu năm 2024 (%)
	sịp, áo ngủ, bộ pyjama, áo choàng tắm, áo choàng dài mặc trong nhà và các loại tương tự dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai					
620721	Các loại áo ngủ và bộ pyjama: Từ bông	0,25	58,68	957,27	0,56	67,12
6209	Quần áo may sẵn và phụ kiện may mặc cho trẻ em	0,11	34,82	1.168,29	0,60	172,64
6210	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07	0,75	44,30	52,19	3,41	13,52
621020	Quần áo bảo hộ dùng trong công nghiệp: Quần áo khác, loại được mô tả trong nhóm 62.01	0,25	-34,64	43,49	1,29	-6,64
621030	Quần áo bảo hộ dùng trong công nghiệp: Quần áo khác, loại được mô tả trong nhóm 62.02	0,26	287,53	721,34	0,65	52,75
621040	Quần áo bảo hộ dùng trong công nghiệp: Quần áo khác dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai	0,17	285,24	10,24	0,78	31,15
621050	Quần áo bảo hộ dùng trong công nghiệp: Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái	0,05	56,22	-53,46	0,56	46,84
6211	Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và quần áo bơi; quần áo khác	0,73	-19,65	-62,04	6,97	-7,14
621111	Quần áo bơi: Dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai	0,19	3.866,54	7,71	0,83	1,94
621133	Quần áo khác, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai: Từ sợi nhân tạo	0,27	-13,70	-80,03	3,42	-20,23
621143	Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái: Từ sợi nhân tạo	0,19	-46,75	-24,07	1,78	19,07
6212	Xu chiêng, gen, áo nịt ngực (corset), dây đeo quần, dây móc bát tất, nịt tất, các sản phẩm tương tự và các chi tiết của chúng, được làm hoặc không được làm từ dệt kim hoặc móc	3,97	11,47	527,05	13,82	147,28
621210	Xu chiêng	3,85	11,05	507,36	13,37	147,06

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh

1.3. Đánh giá tác động của hiệp định UKVFTA

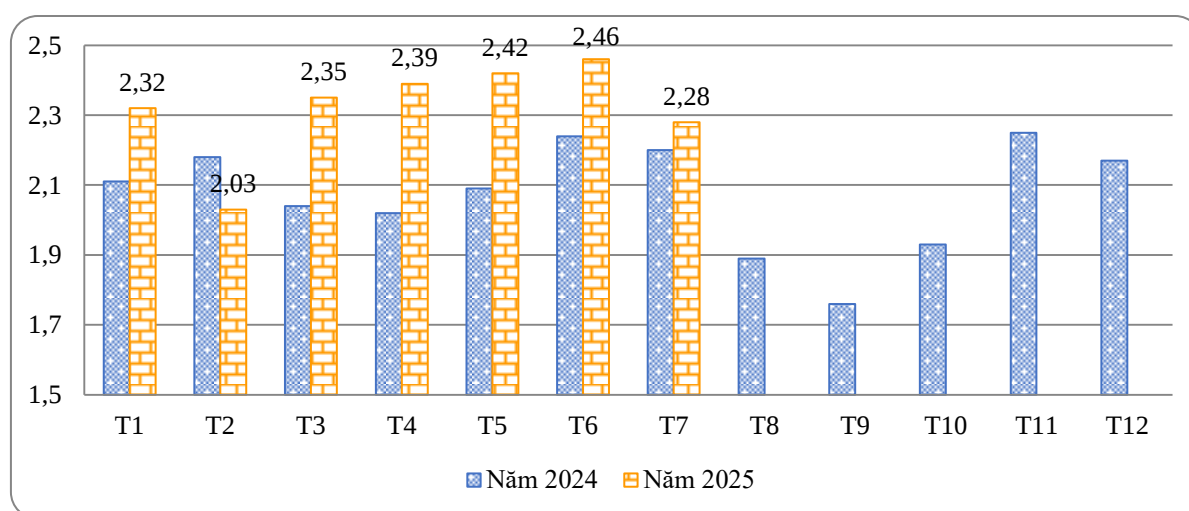
Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-Vương quốc Anh (UKVFTA) tiếp tục góp phần làm tăng xuất khẩu dệt may Việt Nam, giúp tăng trị giá và thị phần của hàng dệt may tại thị trường Anh.

Thứ nhất, về trị giá: Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, trị giá xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang Anh trong tháng 7/2025 đạt 89,13 triệu USD, tăng thêm 0,55% so với tháng 6/2025 và tăng 9,15% so với tháng 7/2024. Tính chung 7 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang Anh đạt 525,50 triệu USD, tăng 21,92% so với 7 tháng đầu năm 2024.

Thứ hai, về thị phần: Thị phần của hàng dệt, may từ Việt Nam trong tổng giá trị nhập khẩu nhóm hàng này vào Vương quốc Anh tăng liên tục trong 3 tháng qua. Tháng 6/2025, chiếm tỷ trọng 3,77% trong tổng trị giá nhập khẩu hàng dệt, may vào Vương quốc Anh và chiếm 3,28% trong 6 tháng đầu năm 2025 (cùng kỳ năm 2024 chiếm tỷ trọng là 2,93% và 2,81%).

Biểu đồ cột 3: Tỷ trọng trị giá xuất khẩu hàng dệt, may sang Anh trên tổng trị giá xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam từ tháng 1/2024 tới tháng 7/2025

ĐVT: % theo trị giá



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Thứ ba, tỷ trọng trị giá xuất khẩu hàng dệt may sang Anh trong tháng 7/2025 và 7 tháng đầu năm 2025 đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng xuất khẩu hàng dệt, may sang Anh liên tục tăng từ tháng 2 tới tháng 6/2025, sang tháng 7/2025 chiếm tỷ trọng giảm xuống 2,28% trong tổng trị giá xuất

khẩu hàng dệt, may của Việt Nam và chiếm 2,33% trong 7 tháng đầu năm 2025 (cùng kỳ năm 2024 chiếm tỷ trọng là 2,20% và 2,13%).

- Xét trong tổng hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Anh: Trong tháng 7/2025, hàng dệt, may chiếm tỷ trọng 11,07% trong tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này (tháng 7/2024 chiếm 11,03%). Tính chung 7 tháng đầu năm 2025, hàng dệt, may chiếm tỷ trọng 11,23% trong tổng trị giá xuất khẩu (7 tháng đầu năm 2024 chiếm 9,99%).

2. THỊ TRƯỜNG DỆT MAY VƯƠNG QUỐC ANH VÀ CƠ HỘI CHO HÀNG DỆT MAY VIỆT NAM

2.1. Tình hình thị trường dệt may của UKVFTA

2.1.2. Một số tiến bộ công nghệ trong thị trường vải thông minh và dệt may của Vương quốc Anh

Theo báo cáo từ Manchester Professionals, thị trường vải và dệt may thông minh của Vương quốc Anh đang đi đầu trong việc tích hợp công nghệ, chứng kiến những tiến bộ nhanh chóng giúp nâng cao chức năng và trải nghiệm người dùng. Những đổi mới chủ chốt xoay quanh việc nhúng vi điện tử liền mạch vào sợi vải, phát triển vật liệu dẫn điện mới và cải tiến công nghệ cảm biến để thu thập dữ liệu thời gian thực. Tiến bộ trong công nghệ thu nhỏ và điện tử linh hoạt cho phép tạo ra những sản phẩm may mặc thông minh vừa kín đáo vừa thoải mái, trong khi những tiến bộ trong các giải pháp thu thập năng lượng đang kéo dài tuổi thọ pin của thiết bị, giúp vải thông minh trở nên thiết thực hơn cho việc mặc lâu dài và ứng dụng đa dạng.

Dưới đây là một số kỹ thuật tiến bộ mà các doanh nghiệp dệt may của Việt Nam có thể nghiên cứu, tham khảo:

- Phát triển các cảm biến có độ nhạy cao và linh hoạt để theo dõi dấu hiệu sinh tồn và phát hiện môi trường.
- Tích hợp các nền tảng Internet vạn vật (IoT) tiên tiến để kết nối và phân tích dữ liệu liền mạch.
- Tiên phong trong việc sử dụng polyme dẫn điện và sợi kim loại để cải tiến mạch điện dựa trên vải.
- Tiến bộ trong Trí tuệ nhân tạo (AI) và thuật toán học máy để phản hồi cá nhân hóa và hành vi dệt may thích ứng.
- Đổi mới trong công nghệ thu năng lượng, bao gồm chuyển đổi năng lượng nhiệt điện, năng lượng mặt trời và động học.
- Những tiến bộ trong thiết bị điện tử có thể giặt được và phương pháp đóng gói chắc chắn để đảm bảo độ bền của sản phẩm.
- Mở rộng các mô-đun kết nối trong hàng dệt may để truyền dữ liệu.

Doanh thu và khối lượng bán vải và dệt may thông minh toàn cầu đến năm 2033 dự kiến sẽ có sự đóng góp đáng kể từ các trung tâm đổi mới sáng tạo và từ các nền kinh tế đang phát. Bắc Mỹ và Châu Âu, đặc biệt là Vương quốc Anh, được dự đoán sẽ duy trì thị phần đáng kể nhờ hoạt động R&D mạnh mẽ, mức độ chấp nhận thiết bị đeo của người tiêu dùng cao, và các lĩnh vực y tế và quốc phòng mạnh mẽ. Châu Á - Thái Bình Dương, được thúc đẩy bởi năng lực sản xuất và thu nhập khả dụng ngày càng tăng, dự kiến sẽ nổi lên như một khu vực tăng trưởng chủ chốt, nhanh chóng mở rộng dấu ấn thị trường thông qua các ứng dụng sáng tạo và sản xuất cạnh tranh.

2.1.3. Hiệp hội Thời trang và Dệt may Vương quốc Anh (UKFT) triển khai Khảo sát Bền vững lớn nhằm thúc đẩy thay đổi toàn ngành ⁽¹⁾

Ngày 18/8/2025, Hiệp hội Thời trang và Dệt may Vương quốc Anh (UKFT) đã lần thứ hai triển khai Khảo sát Bền vững lớn nhằm thúc đẩy thay đổi toàn ngành. Cuộc khảo sát sẽ kết thúc vào ngày 15/9/2025, nhằm mục đích đánh giá những nỗ lực phát triển bền vững hiện tại và thúc đẩy các sáng kiến có ý nghĩa về trách nhiệm xã hội và môi trường trên toàn ngành thời trang và dệt may của Vương quốc Anh.

Sáng kiến này là bước đi quan trọng trong cam kết liên tục của UKFT nhằm thúc đẩy các hoạt động bền vững và giải quyết những thách thức cấp bách về môi trường mà ngành đang phải đối mặt. Bằng cách thu thập dữ liệu toàn diện từ các doanh nghiệp ở mọi quy mô, hiệp hội mong muốn tạo ra nền tảng vững chắc cho các nỗ lực vận động và hoạt động gây sức ép trong tương lai nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi có ý nghĩa trên toàn ngành.

Cuộc khảo sát nhắm vào các công ty thời trang và dệt may trên khắp Vương quốc Anh, đặc biệt chú trọng đến việc thu hút các chuyên gia về phát triển bền vững và những người ra quyết định giám sát các sáng kiến về trách nhiệm xã hội và môi trường trong tổ chức của họ.

UKFT nhấn mạnh rằng sự tham gia rộng rãi hơn sẽ củng cố tiếng nói chung của ngành và nâng cao tác động của cuộc khảo sát đối với các khuyến nghị về chính sách và thực tiễn trong tương lai.

¹ <https://www.texintel.com/eco-news/ukft-08-25-p-uk-fashion-and-textile-association-launches-major-sustainability-survey-to-drive-industry-wide-change>

Những hiểu biết thu thập được thông qua cuộc khảo sát toàn diện này sẽ trực tiếp cung cấp thông tin cho cách tiếp cận chiến lược của UKFT đối với các nỗ lực vận động và gây sức ép, đảm bảo rằng các sáng kiến trong tương lai của hiệp hội sẽ dựa trên dữ liệu thực tế và nhu cầu của ngành.

Cách tiếp cận dựa trên bằng chứng này giúp UKFT đại diện hiệu quả cho lợi ích của các doanh nghiệp thời trang và dệt may tại Vương quốc Anh đồng thời thúc đẩy quản lý môi trường và các hoạt động kinh doanh bền vững.

Các công ty tham gia sẽ đóng góp vào nguồn lực quan trọng giúp xác định những thách thức hiện tại về tính bền vững, nêu bật các phương pháp hay nhất và thiết lập chuẩn mực cho ngành.

Kết quả khảo sát sẽ đóng vai trò là lộ trình cho hành động tập thể, giúp ngành thời trang và dệt may của Vương quốc Anh giải quyết các thách thức về tính bền vững hiệu quả hơn và thể hiện vai trò lãnh đạo trong trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Các doanh nghiệp thời trang và dệt may của Vương quốc Anh có thể tham gia khảo sát thông qua các kênh chính thức của UKFT, thời gian hoàn thành khảo sát khoảng 10 phút.

Hiệp hội khuyến khích các công ty thu hút nhiều bên liên quan tham gia vào quá trình này để đảm bảo phản hồi toàn diện và chính xác, phản ánh những nỗ lực và thách thức về tính bền vững của tổ chức.

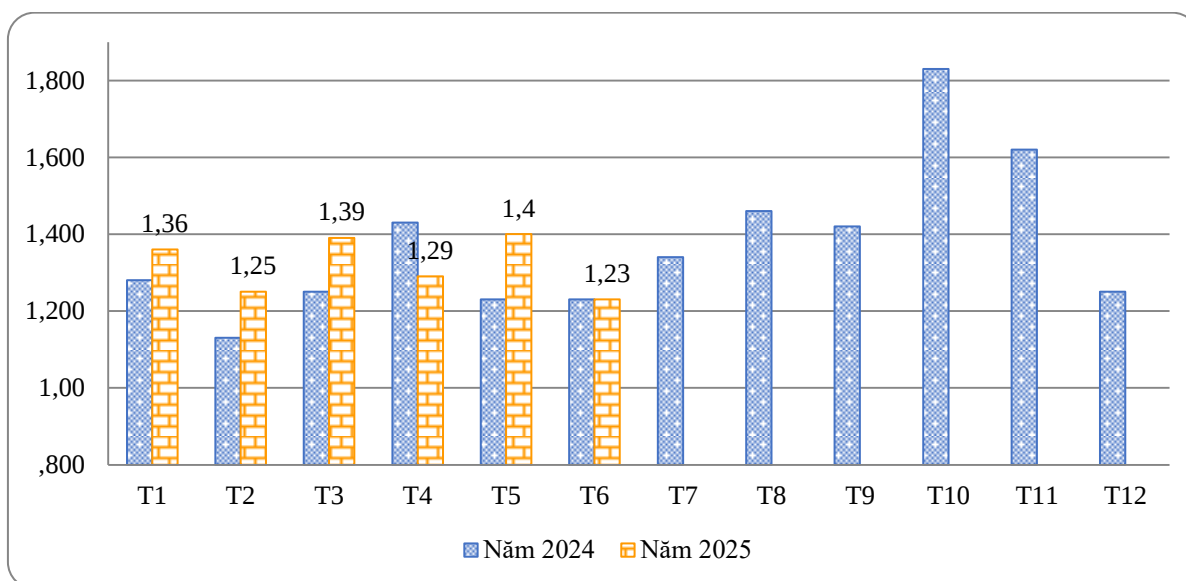
2.2. Nhập khẩu dệt may từ các thị trường vào Vương quốc Anh

2.2.1. Nhập khẩu chung

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh, trị giá nhập khẩu hàng dệt, may vào Vương quốc Anh trong tháng 6/2025 đạt 1,23 tỷ bảng Anh, đổi chiều giảm 12,56% so với tháng 5/2025 và giảm 0,74% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu hàng dệt, may vào Vương quốc Anh đạt 7,92 tỷ bảng Anh, tăng 4,89% so với 6 tháng đầu năm 2024.

Biểu đồ cột 4: Trị giá nhập khẩu hàng dệt, may vào Vương quốc Anh từ tháng 1/2024 tới tháng 6/2025

ĐVT: Tỷ bảng Anh



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh

Chủng loại nhập khẩu theo nhóm HS 62 (quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc)

Những nhóm hàng HS 6 chữ số có trị giá nhập khẩu sắp xếp từ lớn tới nhỏ vào Vương quốc Anh tháng 6/2025 như sau:

+ Tăng ít nhất 2 tháng liên là: nhóm có trị giá lớn nhất HS 621210 (xu chiêng) tăng 33,03%, HS 620140 (áo khoác, áo gió, áo jacket từ sợi nhân tạo) tăng 6,93%, HS 620640 (áo blouse, sơ mi và sơ mi cách điệu (shirt-blouses) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái từ sợi nhân tạo) tăng 0,77%, HS 620530 (áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai từ sợi nhân tạo) tăng 14,46%, HS 620333 (áo jacket và áo blazer: từ sợi tổng hợp) tăng 11,73%, HS 620453 (các loại chân váy (skirt) và chân váy dạng quần: từ sợi tổng hợp) tăng 8,06%,...

+ Đồi chiều tăng là: nhóm HS 620240 (áo khoác, áo gió, áo jacket từ sợi nhân tạo) tăng 36,61%, HS 621010 (từ các loại vải thuộc nhóm 56.02 hoặc 56.03) tăng 33,5%, HS 620130 (áo khoác, áo gió, áo jacket từ bông) tăng 8,28%, HS 621030 (quần áo bảo hộ dùng trong công nghiệp: quần áo khác, loại được mô tả trong nhóm 62.02) tăng 61,69%,...

+ Ngược lại, nhóm có trị giá lớn thứ hai là HS 620342 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: từ bông) giảm 18,25%, và nhóm

có trị giá lớn thứ ba là HS 620462 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: từ bông) giảm 21,08%, cùng các nhóm HS 620343 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: từ sợi tổng hợp) giảm 1,46%, HS 620443 (váy liền thân: từ sợi tổng hợp) giảm 23,39%, HS 620520 (từ bông) giảm 8,65%, HS 620442 (váy liền thân: từ bông) giảm 41,49%,...

Tính chung 6 tháng đầu năm 2025: nhóm hàng có trị giá nhập khẩu lớn nhất là HS 620342 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: từ bông) giảm 2,99%, cùng các nhóm hàng HS 620640 (áo blouse, sơ mi và sơ mi cách điệu (shirt-blouses) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái từ sợi nhân tạo) giảm 5,22%, HS 620449 (váy liền thân: từ các vật liệu dệt khác) giảm 10,77%, HS 621143 (quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái: từ sợi nhân tạo) giảm 9,39%, HS 621133 (quần áo khác, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai: từ sợi nhân tạo) giảm 0,6%,... Ngược lại, nhóm có trị giá lớn thứ hai là HS 620462 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: từ bông) tăng 13,1%, nhóm có trị giá lớn thứ ba là HS 620343 (quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: từ sợi tổng hợp) tăng 15,75%, cùng nhóm HS 620443 (váy liền thân: từ sợi tổng hợp) tăng 2,04%, HS 621210 (xu chiêng) tăng 29,93%, HS 620140 (từ sợi nhân tạo) tăng 17,23%, HS 620520 (từ bông) tăng 1,2%,...

Bảng 2: Trị giá hàng dệt may theo nhóm HS 62 (quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc) nhập khẩu vào Vương quốc Anh trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2025

Mã HS	Mô tả	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025	
		Trị giá (triệu Bảng Anh)	So với 5/2025 (%)	So với tháng 6/2024 (%)	Trị giá (triệu Bảng Anh)	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)
6201	Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (car-coats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, trừ các loại thuộc nhóm 62.03	27,96	9,54	1,89	201,05	13,51
620120	Từ lông cừu hoặc lông động vật loại	2,42	59,65	3,83	11,33	-3,62

Mã HS	Mô tả	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025	
		Trị giá (triệu Bảng Anh)	So với 5/2025 (%)	So với tháng 6/2024 (%)	Trị giá (triệu Bảng Anh)	So với 6tháng đầu năm 2024 (%)
	mịn					
620130	Từ bông	3,46	8,28	11,08	25,58	6,92
620140	Từ sợi nhân tạo	20,20	6,93	2,24	149,50	17,23
620190	Từ các vật liệu dệt khác	1,87	-2,32	-16,08	14,64	5,24
6202	Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (car-coats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, trừ loại thuộc nhóm 62.04	29,07	25,92	14,07	195,44	14,07
620220	Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	4,09	25,18	-24,20	21,32	-10,72
620230	Từ bông	4,78	-3,68	13,81	37,64	14,24
620240	Từ sợi nhân tạo	18,12	36,61	25,38	125,89	23,23
620290	Từ các vật liệu dệt khác	2,08	30,59	44,82	10,58	-14,23
6203	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai	109,60	-13,02	6,37	697,42	5,28
620311	Bộ com-lê: Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	2,39	-12,50	-13,41	14,55	-12,80
620312	Bộ com-lê: Từ sợi tổng hợp	1,36	-43,19	26,82	11,74	51,99
620331	Áo jacket và áo blazer: Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	4,33	-19,34	-6,10	30,34	-0,67
620332	Áo jacket và áo blazer: Từ bông	1,73	-31,43	-35,51	17,72	5,90
620333	Áo jacket và áo blazer: Từ sợi tổng hợp	11,25	11,73	36,76	58,51	13,41
620339	Áo jacket và áo blazer: Từ các vật liệu dệt khác	2,01	-39,31	-29,65	18,31	-1,31
620341	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	2,87	21,11	23,87	14,80	6,00
620342	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: Từ bông	41,58	-18,25	-1,70	282,04	-2,99
620343	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: Từ sợi tổng hợp	35,13	-1,46	25,49	199,22	15,75

Mã HS	Mô tả	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025	
		Trị giá (triệu Bảng Anh)	So với 5/2025 (%)	So với tháng 6/2024 (%)	Trị giá (triệu Bảng Anh)	So với 6tháng đầu năm 2024 (%)
620349	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: Từ các vật liệu dệt khác	5,25	-34,83	-10,37	35,60	14,45
6204	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái	172,93	-28,85	-6,82	1.196,34	3,81
620423	Bộ quần áo đồng bộ: Từ sợi tổng hợp	2,24	-3,40	-12,29	13,09	6,26
620431	Áo jacket và áo blazer: Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	1,96	-13,54	-24,32	11,72	-15,12
620432	Áo jacket và áo blazer: Từ bông	2,92	-31,58	-19,75	28,35	0,19
620433	Áo jacket và áo blazer: Từ sợi tổng hợp	5,17	-13,39	-16,65	39,59	-9,42
620439	Áo jacket và áo blazer: Từ các vật liệu dệt khác	2,31	-22,68	-16,43	21,65	0,52
620442	Váy liền thân: Từ bông	16,51	-41,49	-23,03	119,34	4,15
620443	Váy liền thân: Từ sợi tổng hợp	27,97	-23,39	-6,95	176,64	2,04
620444	Váy liền thân: Từ sợi tái tạo	14,43	-34,15	-13,57	92,28	2,09
620449	Váy liền thân: Từ các vật liệu dệt khác	8,84	-27,90	-22,98	62,12	-10,77
620452	Các loại chân váy (skirt) và chân váy dạng quần: Từ bông	5,21	-36,79	7,35	32,88	2,24
620453	Các loại chân váy (skirt) và chân váy dạng quần: Từ sợi tổng hợp	7,09	8,06	7,86	31,42	2,99
620459	Các loại chân váy (skirt) và chân váy dạng quần: Từ các vật liệu dệt khác	3,20	-38,75	-17,13	21,40	3,41
620462	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: Từ bông	40,11	-21,08	27,13	280,36	13,10
620463	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: Từ sợi tổng hợp	16,09	-15,56	-1,03	106,05	3,78
620469	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc: Từ các vật liệu dệt khác	14,22	-51,76	-24,07	122,14	4,04
6205	Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai	37,97	-8,33	-2,10	213,44	1,11
620520	Từ bông	21,41	-8,65	-4,98	131,85	1,20
620530	Từ sợi nhân tạo	11,65	14,46	30,11	47,03	8,62
620590	Từ các vật liệu dệt khác	4,92	-37,07	-32,69	34,56	-7,87
6206	Áo blouse, sơ mi và sơ mi cách	39,37	-16,03	-4,56	240,50	3,02

Mã HS	Mô tả	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025	
		Trị giá (triệu Bảng Anh)	So với 5/2025 (%)	So với tháng 6/2024 (%)	Trị giá (triệu Bảng Anh)	So với 6tháng đầu năm 2024 (%)
	điều (shirt-blouses) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái					
620630	Từ bông	13,68	-24,51	4,37	90,86	20,62
620640	Từ sợi nhân tạo	19,20	0,77	-3,84	103,05	-5,22
620690	Từ các vật liệu dệt khác	4,29	-45,70	-27,71	35,61	-5,80
6207	Áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác, quần lót (underpants), quần sịp, áo ngủ, bộ pyjama, áo choàng tắm, áo choàng dài mặc trong nhà và các loại tương tự dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai	2,42	23,64	27,17	15,12	13,82
6208	Áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác, váy lót, váy lót bông (petticoats), quần xi líp, quần đùi bó, váy ngủ, bộ pyjama, áo ngủ của phụ nữ bằng vải mỏng và trong suốt (negligees), áo choàng tắm, áo choàng dài mặc trong nhà và các loại tương tự dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái	5,13	-26,13	-21,31	43,25	0,73
620821	Váy lót và váy lót bông (petticoats): Từ bông	1,72	-0,55	19,54	11,76	21,95
620822	Váy lót và váy lót bông (petticoats): Từ sợi nhân tạo	0,84	-53,69	-50,08	12,06	-1,45
6209	Quần áo may sẵn và phụ kiện may mặc cho trẻ em	5,02	-4,68	17,12	33,72	-8,14
620920	Từ bông	3,26	-19,88	27,48	24,30	-7,97
6210	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07	16,97	-35,00	-32,38	168,00	12,93
621010	Từ các loại vải thuộc nhóm 56.02 hoặc 56.03	4,07	33,50	-18,46	25,17	-17,14
621020	Quần áo bảo hộ dùng trong công nghiệp: Quần áo khác, loại được mô tả trong nhóm 62.01	3,82	2,36	-15,84	31,97	10,41
621030	Quần áo bảo hộ dùng trong công nghiệp: Quần áo khác, loại được mô tả trong nhóm 62.02	3,36	61,69	34,00	24,03	14,37
621040	Quần áo bảo hộ dùng trong công nghiệp: Quần áo khác dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai	2,96	32,62	4,20	19,23	-13,82

Mã HS	Mô tả	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025	
		Trị giá (triệu Bảng Anh)	So với 5/2025 (%)	So với tháng 6/2024 (%)	Trị giá (triệu Bảng Anh)	So với 6tháng đầu năm 2024 (%)
621050	Quần áo bảo hộ dùng trong công nghiệp: Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái	2,77	-81,59	-72,94	67,61	46,60
6211	Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và quần áo bơi; quần áo khác	29,38	-28,08	-25,80	218,75	-7,32
621111	Quần áo bơi: Dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai	2,76	-49,78	-42,43	30,48	-15,03
621132	Quần áo khác, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai: Từ bông	1,80	-30,33	-31,41	15,77	2,63
621133	Quần áo khác, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai: Từ sợi nhân tạo	6,76	-17,78	-18,28	52,53	-0,60
621142	Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái: Từ bông	4,03	-40,13	-18,44	28,27	-6,23
621143	Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái: Từ sợi nhân tạo	9,90	-17,45	-15,52	58,01	-9,39
621149	Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái: Từ các vật liệu dệt khác	2,49	-34,09	-48,82	19,33	-17,48
6212	Xu chiêng, gen, áo nịt ngực (corset), dây đeo quần, dây móc bít tất, nịt tất, các sản phẩm tương tự và các chi tiết của chúng, được làm hoặc không được làm từ dệt kim hoặc móc	46,62	35,03	90,32	187,38	29,32
621210	Xu chiêng	41,59	33,03	89,55	170,44	29,93
621290	Loại khác của xu chiêng, gen, áo nịt ngực (corset), dây đeo quần, dây móc bít tất,...	2,59	51,06	49,84	10,33	20,71
6214	Khăn choàng, khăn quàng cổ, khăn choàng rộng đội đầu, khăn choàng vai, mạng che và các loại tương tự	5,18	-22,92	-31,11	36,40	-4,84
621420	Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	1,70	-43,82	-46,83	13,10	-19,93
6217	Hàng phụ kiện may mặc đã hoàn chỉnh khác; các chi tiết của quần áo hoặc của phụ kiện may mặc, trừ các loại thuộc nhóm 62.12	2,28	2,06	-42,23	15,34	-29,21
621710	Phụ kiện may mặc	2,10	9,38	-41,39	13,71	-30,37

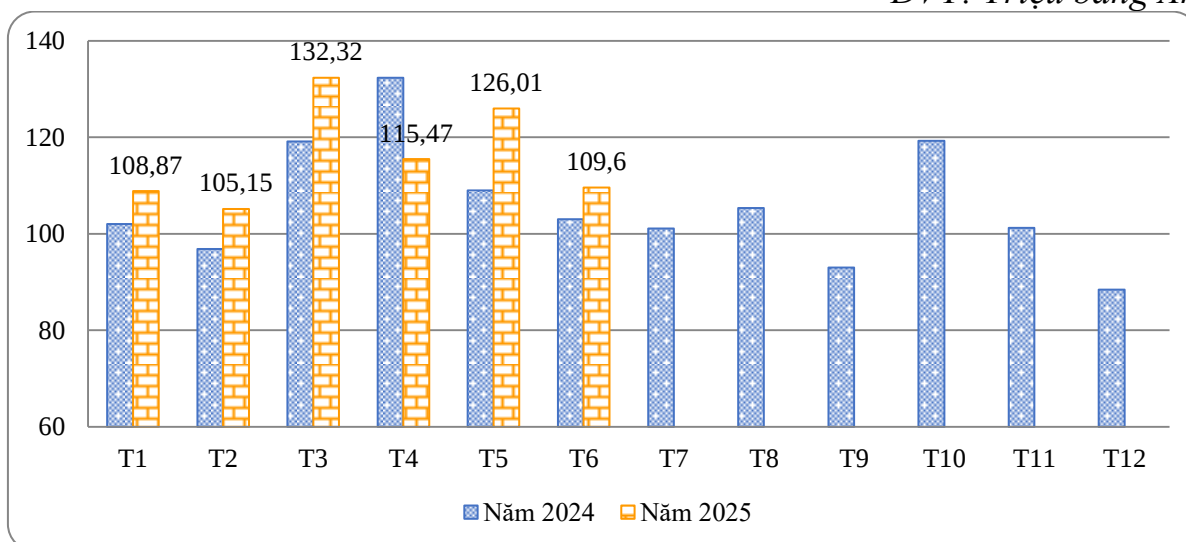
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh

2.2.2. Thị trường cung cấp nhóm HS 6203 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai)

Trị giá nhập khẩu nhóm HS 6203 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai) vào Vương quốc Anh trong tháng 6/2025 đạt 109,60 triệu bảng Anh, đổi chiều giảm 13,02% so với tháng 5/2025 nhưng tăng 6,37% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu nhóm HS 6203 vào Vương quốc Anh đạt 697,42 triệu bảng Anh, tăng 5,28% so với 6 tháng đầu năm 2024.

Biểu đồ cột 5: Trị giá nhập khẩu nhóm HS 6203 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai) vào Vương quốc Anh từ tháng 1/2024 tới tháng 6/2025

ĐVT: Triệu bảng Anh



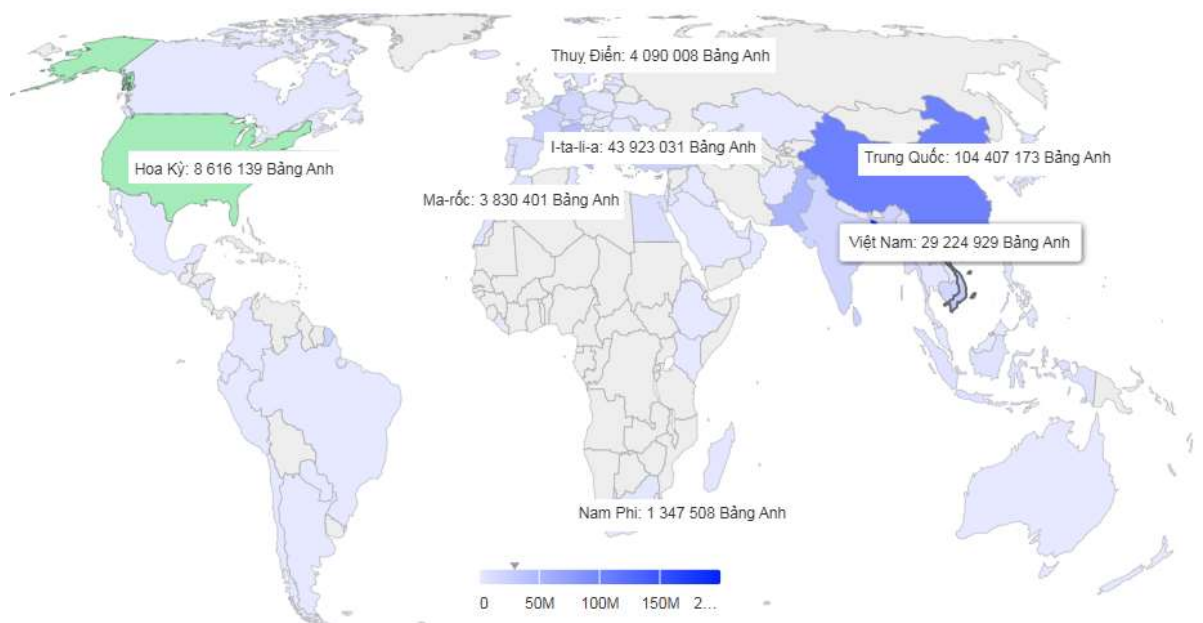
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh

Thị trường cung ứng nhóm HS 6203 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai) nhập khẩu vào Vương quốc Anh

Trị giá nhập khẩu nhóm HS 6203 vào Vương quốc Anh tháng 6/2025 đổi chiều giảm so với tháng 5/2025 do nhập khẩu từ 40/64 thị trường có trị giá giảm. Trong đó, thị trường có trị giá lớn thứ nhất là Băng-la-đét (với 33,44 triệu bảng Anh, giảm 6,73%), thị trường có trị giá lớn thứ hai là Trung Quốc (với 13,92

triệu bảng Anh, giảm 14,79%), thị trường Hà Lan (với 5,85 triệu bảng Anh, giảm 26,76%), cùng với thị trường Pa-ki-xtan, Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Pháp, Bỉ, Tây Ban Nha... có trị giá giảm. Ngược lại, thị trường có trị giá lớn thứ ba là Xri Lan-ca (với 8,54 triệu bảng Anh, tăng 96,30%), thị trường có trị giá lớn thứ bốn là I-ta-li-a (với 7,56 triệu bảng Anh, tăng 4,80%), thị trường Cam-pu-chia (với 3,67 triệu bảng Anh, tăng 5,03%), cùng với thị trường Đức, Ai Cập, Mi-an-ma, Hoa Kỳ, Séc, Thụy Điển, Ma-đa-ga-xca... có trị giá tăng.

So với tháng 6/2024, trị giá nhập khẩu nhóm HS 6203 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai) vào Vương quốc Anh tăng do trị giá nhập khẩu từ thị trường Băng-la-đét tăng 36,90%, Xri Lan-ca tăng 308,46%, Cam-pu-chia tăng 182,90%, cùng với thị trường Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập, Mi-an-ma, Ai-len, Séc, Thụy Điển... có trị giá tăng. Ngược lại, trị giá nhập khẩu nhóm HS 6203 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai) từ thị trường Trung Quốc giảm 7,15%, I-ta-li-a giảm 7,74%, Hà Lan giảm 20,72%, cùng với thị trường Pa-ki-xtan, Ấn Độ, Đức, Pháp, Bỉ, Tây Ban Nha, Hoa Kỳ... có trị giá giảm.



Hình 1: Thị trường cung ứng nhóm HS 6203 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai) nhập khẩu vào Vương quốc Anh 6 tháng đầu năm 2025

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh

Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu nhóm HS 6203 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai) vào Vương quốc Anh tăng so với 6 tháng đầu năm 2024 do nhập khẩu từ 35/81 thị trường có trị giá tăng. Trong đó, thị trường có trị giá lớn thứ nhất là Băng-la-đét (với 186,10 triệu bảng Anh, tăng 11,32%), thị trường có trị giá lớn thứ hai là Trung Quốc (với 104,41 triệu bảng Anh, tăng 18,96%), thị trường có trị giá lớn thứ ba là Pa-ki-xtan (với 50,11 triệu bảng Anh, tăng 8,57%), cùng với thị trường Việt Nam, Xri Lan-ca, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Cam-pu-chia, Hoa Kỳ, Mi-an-ma... có trị giá tăng. Ngược lại, thị trường có trị giá lớn thứ bốn là I-ta-li-a (với 43,92 triệu bảng Anh, giảm 12,42%), thị trường Hà Lan (với 35,67 triệu bảng Anh, giảm 12,57%), thị trường Pháp (với 21,31 triệu bảng Anh, giảm 14,35%), cùng với thị trường Đức, Bỉ, Tây Ban Nha, Đan Mạch, Ai Cập, Bồ Đào Nha, Hồng Kông (Trung Quốc)... có trị giá giảm.

Bảng 3: Thị trường cung ứng nhóm HS 6203 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai) nhập khẩu vào Vương quốc Anh trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025	
	Trị giá (Triệu bảng Anh)	So với tháng 5/2025 (%)	So với tháng 6/2024 (%)	Trị giá (Triệu bảng Anh)	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)
*tất cả các thị trường	109,60	-13,02	6,37	697,42	5,28
Băng-la-đét	33,44	-6,73	36,90	186,10	11,32
Trung Quốc	13,92	-14,79	-7,15	104,41	18,96
Xri Lan-ca	8,54	96,30	308,46	24,30	84,57
I-ta-li-a	7,56	4,80	-7,74	43,92	-12,42
Hà Lan	5,85	-26,76	-20,72	35,67	-12,57

Thị trường	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025	
	Trị giá (Triệu bảng Anh)	So với tháng 5/2025 (%)	So với tháng 6/2024 (%)	Trị giá (Triệu bảng Anh)	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)
Pa-ki-xtan	5,23	-43,74	-30,13	50,11	8,57
Cam-pu-chia	3,67	5,03	182,90	17,05	3,50
Việt Nam	3,63	-30,14	2,91	29,22	20,06
Thổ Nhĩ Kỳ	2,78	-45,17	7,45	23,32	33,67
Ấn Độ	2,45	-32,55	-30,66	19,40	13,52
Đức	2,42	1,16	-26,83	18,57	-28,12
Pháp	2,41	-21,19	-36,80	21,31	-14,35
Bỉ	1,69	-34,48	-13,08	10,82	-0,30
Ai Cập	1,43	43,07	32,63	7,98	-5,51
Tây Ban Nha	1,40	-42,09	-24,74	10,39	-3,05
Mi-an-ma	1,09	2,96	37,98	6,93	25,60
Hoa Kỳ	1,08	4,43	-22,46	8,62	13,13
Đan Mạch	1,07	-29,25	-39,88	9,35	-10,57
Ai-len	0,95	-17,47	25,14	5,75	3,35
Séc	0,92	115,45	59,68	4,82	-37,07
Bồ Đào Nha	0,92	-15,71	-28,80	7,31	-8,24
Thụy Điển	0,73	34,50	48,34	4,09	-8,96
Ma-rốc	0,70	-9,32	73,61	3,83	6,24
In-đô-nê-xi-a	0,65	-62,49	43,36	5,75	34,19
Thụy Sĩ	0,49	-8,27	-36,86	2,01	-43,84
Bun-ga-ri	0,48	-35,13	-23,23	4,29	18,53
Ma-đa-ga-xca	0,42	9,78	107,44	1,61	-8,49
Hồng Kông (Trung	0,39	-12,93	-59,96	5,08	-3,94

Thị trường	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025	
	Trị giá (Triệu bảng Anh)	So với tháng 5/2025 (%)	So với tháng 6/2024 (%)	Trị giá (Triệu bảng Anh)	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)
Quốc)					
Tuy-ni-di	0,35	-67,11	-48,23	3,54	-15,78
Nhật Bản	0,32	-42,03	-29,09	2,70	-13,29
Gióc-đan	0,32	43,47	-51,83	3,11	-7,05
Séc-bi	0,31	59,25	196,36	1,26	129,02
Lít-va	0,26	435,57	59,31	1,10	-0,01
Ba Lan	0,24	-39,35	-34,30	1,93	-48,74
Nam Phi	0,16	-64,76	-37,05	1,35	2,88
Phi-líp-pin	0,13	-38,60	-39,28	1,42	74,13

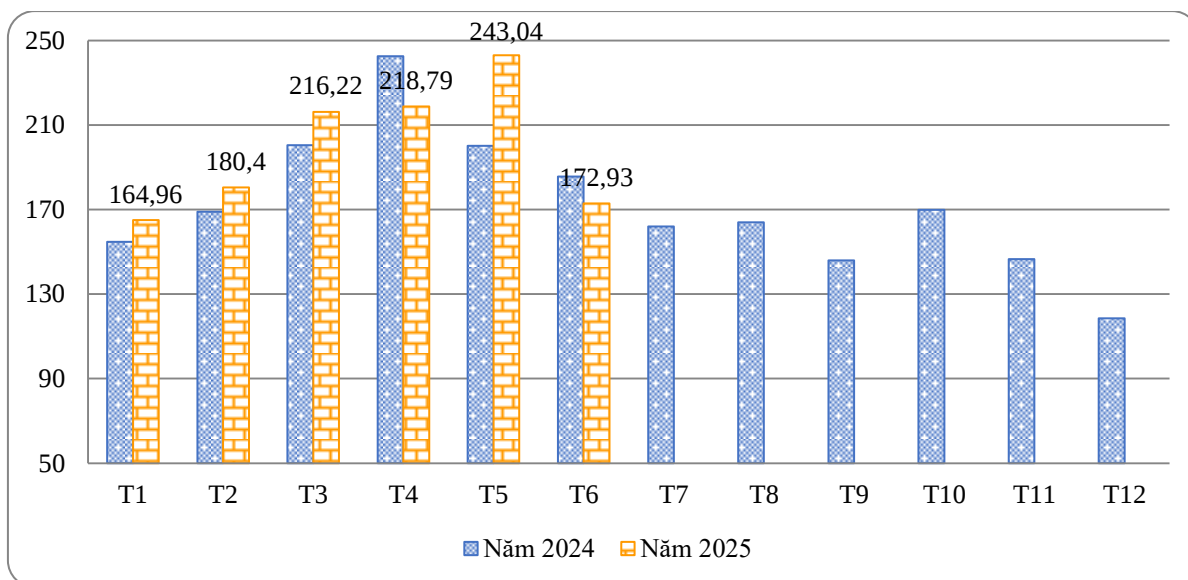
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh

2.2.3. Thị trường cung cấp nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái)

Trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái) vào Vương quốc Anh trong tháng 6/2025 đạt 172,93 triệu bảng Anh, đổi chiều giảm 28,85% so với tháng 5/2025 và giảm 6,82% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh đạt 1,20 tỷ bảng Anh, tăng 3,81% so với 6 tháng đầu năm 2024.

Biểu đồ cột 6: Trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái) vào Vương quốc Anh từ tháng 1/2024 tới tháng 6/2025

ĐVT: Triệu bảng Anh



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh

Thị trường cung ứng nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái) nhập khẩu vào Vương quốc Anh:

Từ thị trường Băng-la-đét: Trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh từ Băng-la-đét trong tháng 6/2025 đạt 29,50 triệu bảng Anh, đổi chiều giảm 31,36% so với tháng 5/2025 nhưng tăng 52,07% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh đạt 210,88 triệu bảng Anh, tăng 15,54% so với 6 tháng đầu năm 2024.

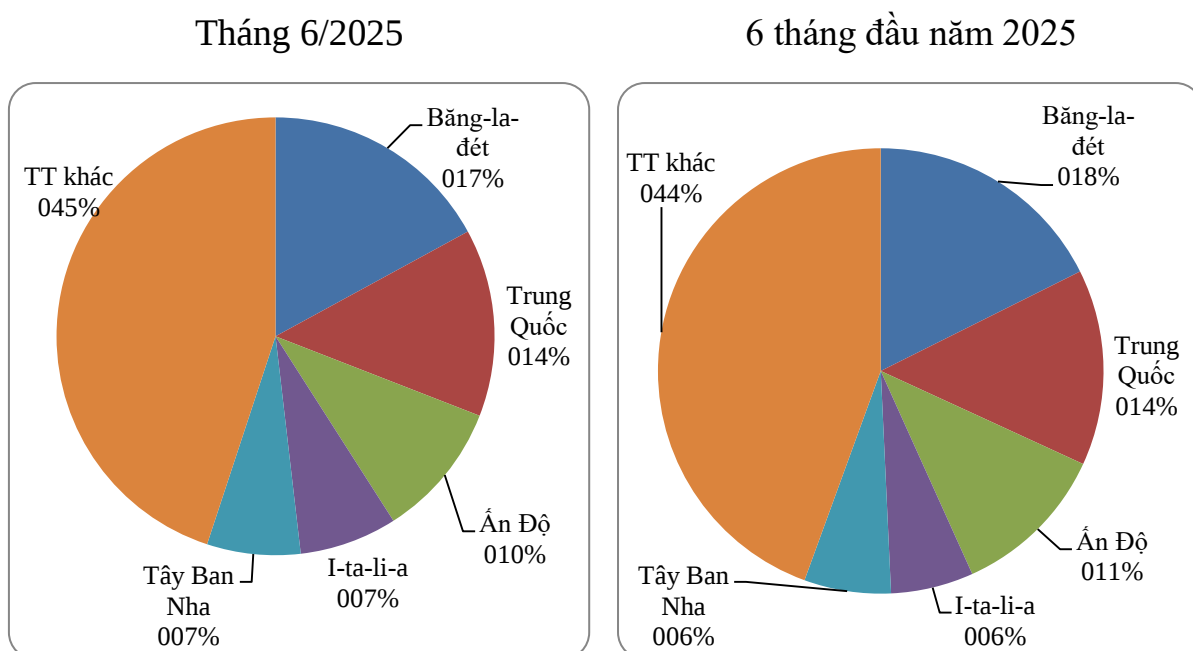
- Nhập khẩu nhóm HS 6204 từ Băng-la-đét tháng 6/2025 chiếm tỷ trọng 17,06% trong tổng trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh và chiếm 17,63% trong 6 tháng đầu năm 2025 (cùng kỳ năm 2024 chiếm tỷ trọng là 10,45% và 15,84%).

Từ thị trường Trung Quốc: Trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh từ Trung Quốc trong tháng 6/2025 đạt 23,95 triệu bảng Anh, đổi chiều giảm 18,96% so với tháng 5/2025 và giảm 13,01% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh đạt 170,23 triệu bảng Anh, tăng 8,58% so với 6 tháng đầu năm 2024.

- Nhập khẩu nhóm HS 6204 từ Trung Quốc tháng 6/2025 chiếm tỷ trọng 13,85% trong tổng trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh và chiếm 14,23% trong 6 tháng đầu năm 2025 (cùng kỳ năm 2024 chiếm tỷ trọng là 14,83% và 13,60%).

Biểu đồ tròn 7: Cơ cấu thị trường cung ứng nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái) nhập khẩu vào Vương quốc Anh tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2025

DVT % theo trị giá



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh

Từ thị trường Ấn Độ: Trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh từ Ấn Độ trong tháng 6/2025 đạt 17,37 triệu bảng Anh, đổi chiều giảm 50,14% so với tháng 5/2025 và giảm 17,56% so với tháng 6/2024. Tính

chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh đạt 136,42 triệu bảng Anh, tăng 4,74% so với 6 tháng đầu năm 2024.

- Nhập khẩu nhóm HS 6204 từ Ấn Độ tháng 6/2025 chiếm tỷ trọng 10,04% trong tổng trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh và chiếm 11,40% trong 6 tháng đầu năm 2025 (cùng kỳ năm 2024 chiếm tỷ trọng là 11,35% và 11,30%).

Từ thị trường I-ta-li-a: Trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh từ I-ta-li-a trong tháng 6/2025 đạt 12,47 triệu bảng Anh, tăng thêm 2,50% so với tháng 5/2025 nhưng giảm 4,49% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh đạt 71,72 triệu bảng Anh, giảm 9,35% so với 6 tháng đầu năm 2024.

- Nhập khẩu nhóm HS 6204 từ I-ta-li-a tháng 6/2025 chiếm tỷ trọng 7,21% trong tổng trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh và chiếm 6,00% trong 6 tháng đầu năm 2025 (cùng kỳ năm 2024 chiếm tỷ trọng là 7,04% và 6,87%).

Từ thị trường Tây Ban Nha: Trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh từ Tây Ban Nha trong tháng 6/2025 đạt 11,93 triệu bảng Anh, đổi chiều giảm 36,67% so với tháng 5/2025 và giảm 17,70% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh đạt 75,42 triệu bảng Anh, tăng 8,54% so với 6 tháng đầu năm 2024.

Từ thị trường Hà Lan: Trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh từ Hà Lan trong tháng 6/2025 đạt 9,04 triệu bảng Anh, đổi chiều giảm 29,62% so với tháng 5/2025 và giảm 27,66% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh đạt 59,36 triệu bảng Anh, tăng 3,65% so với 6 tháng đầu năm 2024.

Từ thị trường Pháp: Trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh từ Pháp trong tháng 6/2025 đạt 8,47 triệu bảng Anh, đổi chiều giảm 5,26% so với tháng 5/2025 và giảm 26,02% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh đạt 55,50 triệu bảng Anh, giảm 14,74% so với 6 tháng đầu năm 2024.

Từ thị trường Việt Nam: Trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh từ Việt Nam trong tháng 6/2025 đạt 3,43 triệu bảng Anh, giảm thêm

32,74% so với tháng 5/2025 nhưng tăng 31,87% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh đạt 30,07 triệu bảng Anh, tăng 5,55% so với 6 tháng đầu năm 2024.

- Nhập khẩu nhóm HS 6204 từ Việt Nam tháng 6/2025 chiếm tỷ trọng 1,98% trong tổng trị giá nhập khẩu nhóm HS 6204 vào Vương quốc Anh và chiếm 2,51% trong 6 tháng đầu năm 2025 (cùng kỳ năm 2024 chiếm tỷ trọng là 1,40% và 2,47%).

Bảng 4: Thị trường cung ứng nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái) nhập khẩu vào Vương quốc Anh trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025	
	Trị giá (Triệu bảng Anh)	So với tháng 5/2025 (%)	So với tháng 6/2024 (%)	Trị giá (Triệu bảng Anh)	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)
<i>*tất cả các thị trường</i>	172,93	-28,85	-6,82	1.196,34	3,81
Băng-la-đét	29,50	-31,36	52,07	210,88	15,54
Trung Quốc	23,95	-18,96	-13,01	170,23	8,58
Ấn Độ	17,37	-50,14	-17,56	136,42	4,74
I-ta-li-a	12,47	2,50	-4,49	71,72	-9,35
Tây Ban Nha	11,93	-36,67	-17,70	75,42	8,54
Hà Lan	9,04	-29,62	-27,66	59,36	3,65
Pháp	8,47	-5,26	-26,02	55,50	-14,74
Thổ Nhĩ Kỳ	8,22	-21,45	-34,80	59,92	-13,91
Xri Lan-ca	7,25	-32,30	42,05	45,96	37,95
Ai-len	5,42	-29,55	38,03	30,73	29,38
Pa-ki-xtan	4,14	-51,81	-29,17	44,02	6,09
Cam-pu-chia	3,77	-43,26	4,93	31,86	18,88

Thị trường	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025	
	Trị giá (Triệu bảng Anh)	So với tháng 5/2025 (%)	So với tháng 6/2024 (%)	Trị giá (Triệu bảng Anh)	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)
Ma-rốc	3,71	-1,21	-20,90	17,09	6,78
Việt Nam	3,43	-32,74	31,87	30,07	5,55
Hoa Kỳ	3,11	-19,42	16,18	19,22	20,20
Đức	2,86	-22,81	5,02	18,80	19,78
Hồng Kông (Trung Quốc)	2,78	-21,50	-13,24	19,67	-17,42
Ai Cập	2,45	9,00	250,72	9,78	43,94
Phi-líp-pin	1,25	78,85	20,49	4,88	-21,34
Bồ Đào Nha	1,12	-13,44	-31,09	7,20	-17,13
Ru-ma-ni	1,03	-46,09	-59,81	9,35	-32,64
In-đô-nê-xi-a	1,01	-57,02	-26,01	8,37	-1,50
Mi-an-ma	0,81	-42,78	-45,22	8,54	-27,55
Tuy-ni-di	0,77	18,79	-55,10	4,34	-19,68
Đan Mạch	0,75	-49,72	-32,20	8,42	-12,40
Ô-xtrây-li-a	0,74	24,95	57,10	3,61	51,37
Thụy Sĩ	0,68	21,75	-10,79	2,64	-39,80
Bỉ	0,57	-21,68	-26,91	3,79	-14,01
Các tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	0,39	96,26	-10,48	1,74	-28,68
Mê-hi-cô	0,34	115,08	2.187,75	0,53	541,20
Ba Lan	0,34	-37,40	-43,39	2,88	-18,71
Bun-ga-ri	0,32	-2,95	-11,20	2,26	5,35
Ma-lai-xi-a	0,31	-37,95	364,76	1,28	48,41
Ca-na-đa	0,28	25,82	-19,58	1,36	18,36

Thị trường	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025	
	Trị giá (Triệu bảng Anh)	So với tháng 5/2025 (%)	So với tháng 6/2024 (%)	Trị giá (Triệu bảng Anh)	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)
Lít-va	0,27	103,80	111,47	1,48	21,45
Thụy Điển	0,23	-10,37	-48,72	1,70	-47,24
U-crai-na	0,22	23,95	52,81	1,25	35,33
I-xra-en	0,14	-23,76	-20,01	1,34	36,57
Hy Lạp	0,14	-33,20	-23,57	1,22	-16,07
Nhật Bản	0,12	-15,44	-62,85	1,21	-19,32
Thái Lan	0,12	-49,52	-42,50	1,04	-40,42
Séc	0,03	-74,87	-82,92	1,11	-4,11

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh

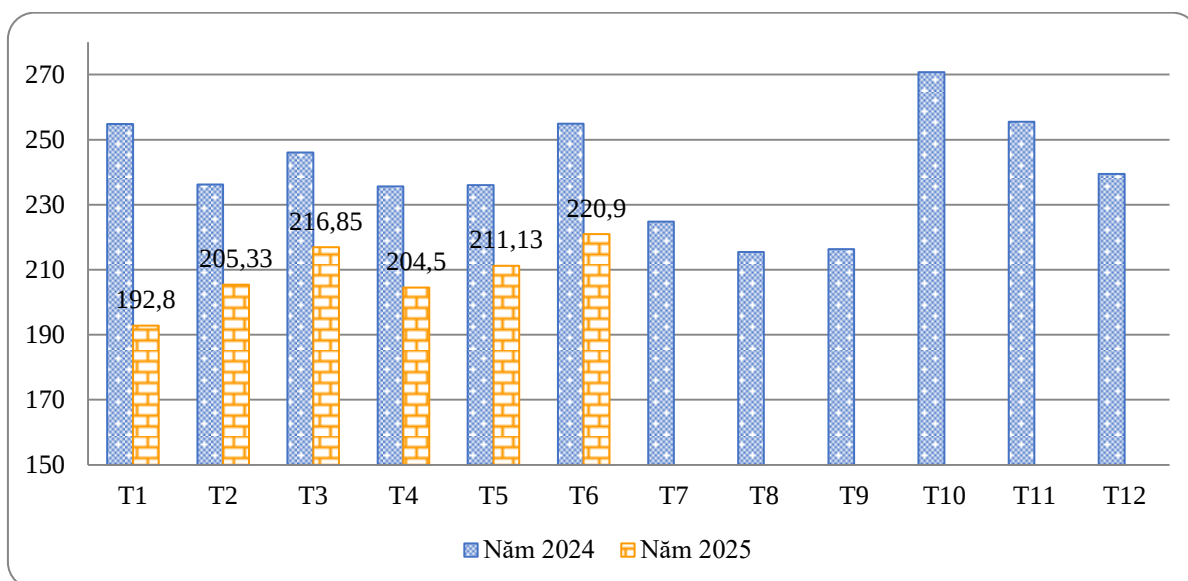
2.3. Xuất khẩu dệt may của Vương quốc Anh

2.3.1. Xuất khẩu chung

Trị giá xuất khẩu hàng dệt, may của Vương quốc Anh trong tháng 6/2025 đạt 220,90 triệu bảng Anh, tăng thêm 4,63% so với tháng 5/2025 nhưng giảm 13,33% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu hàng dệt, may của Vương quốc Anh đạt 1,25 tỷ bảng Anh, giảm 14,48% so với 6 tháng đầu năm 2024.

Biểu đồ cột 8: Trị giá xuất khẩu hàng dệt, may của Vương quốc Anh từ tháng 1/2024 tới tháng 6/2025

ĐVT: Triệu bảng Anh



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh

Xuất khẩu hàng dệt may từ Vương quốc Anh sang Việt Nam

Trị giá xuất khẩu hàng dệt, may của Vương quốc Anh sang Việt Nam trong tháng 6/2025 đạt 400,09 nghìn bảng Anh, đổi chiều giảm 29,69% so với tháng 5/2025 và giảm 58,86% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu hàng dệt, may của Vương quốc Anh sang Việt Nam đạt 3,30 triệu bảng Anh, giảm 85,70% so với 6 tháng đầu năm 2024.

- Xuất khẩu hàng dệt, may sang Việt Nam tháng 6/2025 chiếm tỷ trọng 0,18% trong tổng trị giá xuất khẩu hàng dệt, may của Vương quốc Anh và chiếm 0,26% trong 6 tháng đầu năm 2025 (cùng kỳ năm 2024 chiếm tỷ trọng là 0,38% và 1,58%).

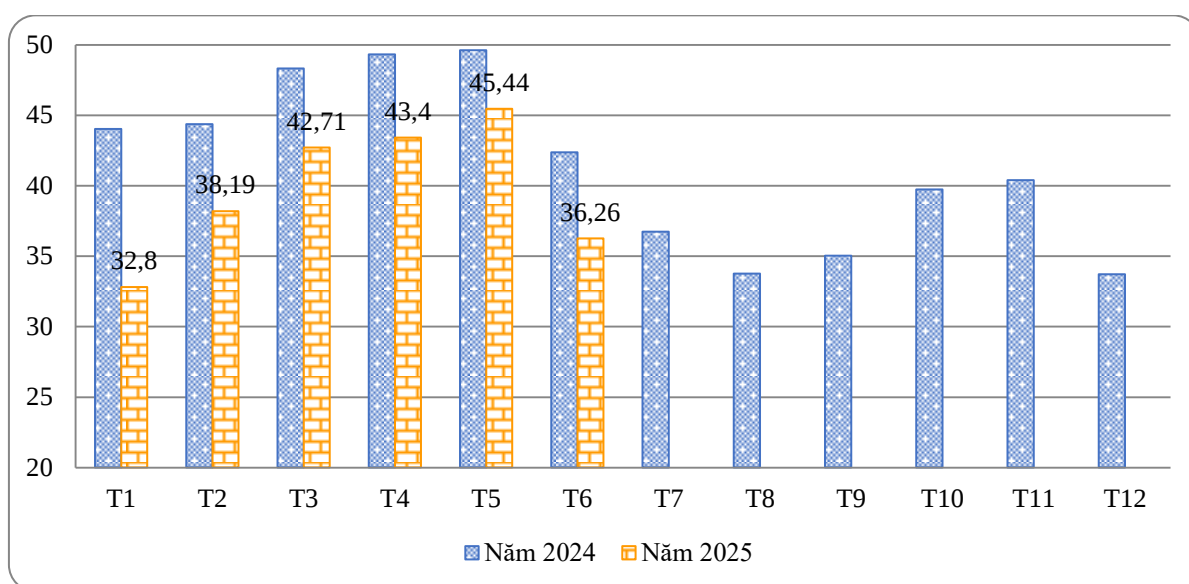
2.3.2. Thị trường xuất khẩu nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái)

Trị giá xuất khẩu nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái) của Vương quốc Anh trong tháng 6/2025 đạt 36,26 triệu bảng Anh,

đổi chiều giảm 20,21% so với tháng 5/2025 và giảm 14,40% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu nhóm HS 6204 của Vương quốc Anh đạt 238,80 triệu bảng Anh, giảm 14,09% so với 6 tháng đầu năm 2024.

Biểu đồ cột 9: Trị giá xuất khẩu nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái) của Vương quốc Anh từ tháng 1/2024 tới tháng 6/2025

DVT: Triệu bảng Anh

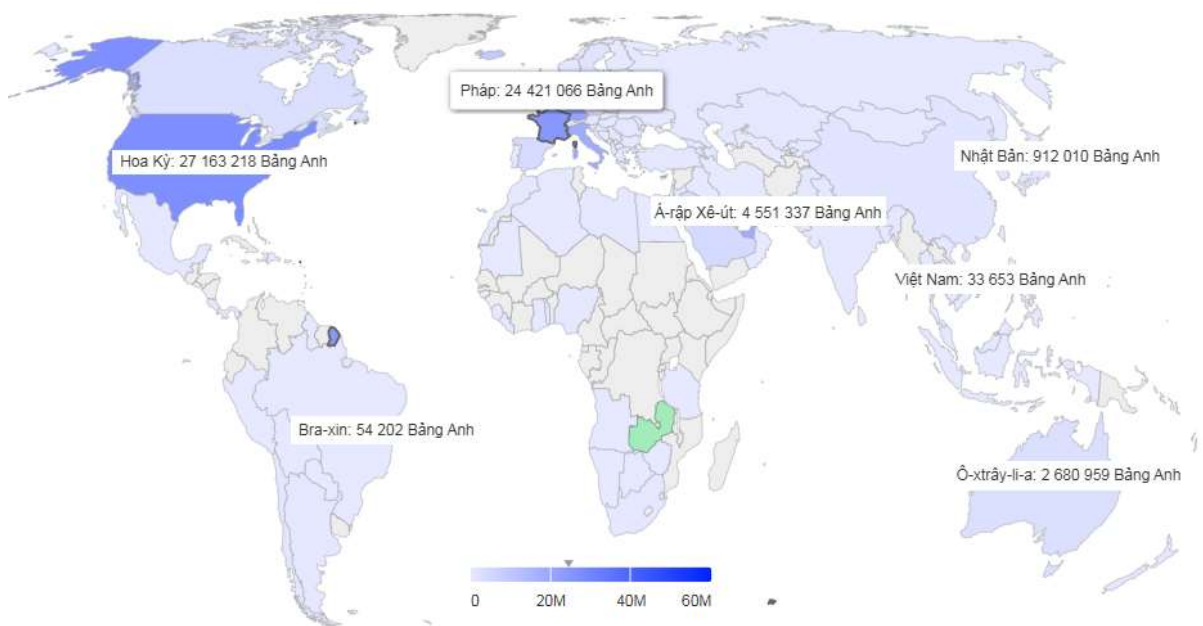


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh

Thị trường xuất khẩu nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái) của Vương quốc Anh

Trị giá xuất khẩu nhóm HS 6204 của Vương quốc Anh tháng 6/2025 đổi chiều giảm so với tháng 5/2025 do xuất khẩu sang 58/86 thị trường có trị giá giảm. Trong đó, thị trường có trị giá lớn thứ nhất là Ai-len (với 6,43 triệu bảng Anh, giảm 36,58%), thị trường có trị giá lớn thứ hai là Pháp (với 4,08 triệu bảng Anh, giảm 10,78%), thị trường có trị giá lớn thứ ba là Đức (với 3,54 triệu bảng Anh, giảm 10,50%), cùng với thị trường Hoa Kỳ, I-ta-li-a, Ai-xơ-len, Các tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất, Thụy Sĩ, Ả Rập Xê Út, Ô-xtrây-li-a... có trị

giá giảm. Ngược lại, thị trường có trị giá lớn thứ năm là Hà Lan (với 2,86 triệu bảng Anh, tăng 3,39%), thị trường Hồng Kông (Trung Quốc) (với 1,18 triệu bảng Anh, tăng 40,53%), thị trường Tây Ban Nha (với 1,12 triệu bảng Anh, tăng 100,20%), cùng với thị trường Ác-mê-ni-a, Chi-lê, Thụy Điển, Nhật Bản, Séc, Trung Quốc, Ni-giê-ri-a... có trị giá tăng.



Hình 2: Thị trường xuất khẩu nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái) của Vương quốc Anh 6 tháng đầu năm 2025

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh

Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu nhóm HS 6204 của Vương quốc Anh giảm so với 6 tháng đầu năm 2024 do xuất khẩu sang 72/122 thị trường có trị giá giảm. Trong đó, thị trường có trị giá lớn thứ hai là Hoa Kỳ (với 27,16 triệu bảng Anh, giảm 41,54%), thị trường có trị giá lớn thứ ba là Pháp (với 24,42 triệu bảng Anh, giảm 9,12%), thị trường I-ta-li-a (với 18,43 triệu bảng Anh, giảm 25,03%), cùng với thị trường Hà Lan, Hồng Kông (Trung Quốc), Ả Rập Xê Út, Thụy Sĩ, Cô-oét, Ô-xtrây-li-a, Ma Cao (Trung Quốc)... có trị giá giảm. Ngược lại, thị trường có trị giá lớn thứ nhất là Ai-len (với 45,06 triệu bảng Anh, tăng 18,62%), thị trường Đức (với 20,98 triệu bảng Anh, tăng 12,70%), thị trường Các tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất (với 17,91 triệu bảng Anh, tăng 38,74%), cùng với thị trường Ai-xơ-len, Ca-ta, Tây Ban Nha, Ba Lan, Trung Quốc, Gibraltar, Séc-bi... có trị giá tăng.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, nhóm HS 6204 xuất khẩu thêm sang thị trường Tô-gô, Cộng hòa Tanzania, Saint Vincent & Grenadines, Trinidad & Tobago, Pa-ra-goay, Guy-a-na, Bonaire, Saint Helena, Mô-ri-ta-ni, New Caledonia, Đảo British Virgin ...so với 6 tháng đầu năm 2024. Ngược lại, không được xuất khẩu sang thị trường Mi-an-ma, Goa-iê-ma-la, Gam-bia, Ma-đa-ga-xca, Ê-cu-a-đo, Tuy-ni-di, Cô-lôm-bi-a, Đảo Faroe, Anguilla, Ru-an-đa, Lào, Grê-na-đa, Cộng hòa Công Gô, Aruba, Gia-mai-ca, Ca-mơ-run, Xô-ma-li, Va-ti-căng, Lích-ten-xtanh, Ê-ti-ô-pi-a ...so với 6 tháng đầu năm 2024.

Bảng 5: Thị trường xuất khẩu nhóm HS 6204 (bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái) của Vương quốc Anh trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025	
	Trị giá (Triệu bảng Anh)	So với tháng 5/2025 (%)	So với tháng 6/2024 (%)	Trị giá (Triệu bảng Anh)	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)
<i>*tất cả các thị trường</i>	36,26	-20,21	-14,40	238,80	-14,09
Ai-len	6,43	-36,58	7,59	45,06	18,62
Pháp	4,08	-10,78	-26,19	24,42	-9,12
Đức	3,54	-10,50	-8,92	20,98	12,70
Hoa Kỳ	3,52	-8,70	-48,07	27,16	-41,54
Hà Lan	2,86	3,39	-27,61	17,46	-18,51
I-ta-li-a	2,75	-36,14	-17,66	18,43	-25,03
Ai-xơ-len	2,59	-17,39	7.402,23	9,39	2.669,52
Các tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	1,83	-48,96	38,91	17,91	38,74
Hồng Kông (Trung Quốc)	1,18	40,53	-43,65	8,00	-32,77

Thị trường	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025	
	Trị giá (Triệu bảng Anh)	So với tháng 5/2025 (%)	So với tháng 6/2024 (%)	Trị giá (Triệu bảng Anh)	So với 6 tháng đầu năm 2024 (%)
Tây Ban Nha	1,12	100,20	86,45	4,29	6,36
Ác-mê-ni-a	0,56	1.183,67	6.836,57	0,65	894,49
Chi-lê	0,46	4.861,18	8.291,89	0,72	883,17
Thụy Sĩ	0,46	-13,49	-42,83	2,78	-60,35
Thụy Điển	0,44	157,47	161,50	1,39	-29,82
Ả Rập Xê Út	0,37	-45,02	-41,16	4,55	-28,68
Ô-xtrây-li-a	0,28	-43,97	-44,76	2,68	-68,93
Ca-na-đa	0,27	-47,99	-58,54	2,62	-3,01
Ma Cao (Trung Quốc)	0,24	-36,48	-48,71	2,64	-26,02
Ba Lan	0,24	-15,66	15,62	1,68	2,39
Ca-ta	0,23	-63,08	-37,01	4,36	32,14
Bỉ	0,20	-49,66	-39,91	2,21	-38,92
Séc-bi	0,19	-45,29	99,89	0,97	144,57
Gibraltar	0,18	-15,76	33,21	1,11	25,09
Cô-oét	0,17	-75,30	-51,83	2,70	-21,01
Xin-ga-po	0,13	-31,10	-44,60	0,88	-28,25
Nhật Bản	0,12	98,70	-44,96	0,91	-39,30
Séc	0,12	1.148,67	-57,49	0,51	-26,54
Trung Quốc	0,11	27,77	19,50	1,16	9,55
Áo	0,07	-45,01	-26,12	0,66	17,96
Hàn Quốc	0,06	-22,11	-91,81	0,95	-88,21
Việt Nam	0,00	-2,79	-94,25	0,03	-81,22

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh

2.4. Tham khảo doanh nghiệp tham gia nhập khẩu hàng dệt may của Vương quốc Anh

Có hơn 200 doanh nghiệp của Vương quốc Anh tham gia nhập khẩu mã HS 620311 (bộ com-lê: Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn) trong 6 tháng đầu năm 2025.

Bảng 6: Danh sách doanh nghiệp của Vương quốc Anh nhập khẩu hàng dệt may theo mã HS 620311 (bộ com-lê: Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn)

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Mã bưu chính
BRIONI UK LTD	FIFTH FLOOR REAR, OAKFIELD, 35 PERRY MOUNT ROAD, HAYWARDS HEATH	RH16 3BW
HUGO BOSS UK LTD	39 PLENDER STREET, LONDON	NW1 0DT
HACKETT LIMITED	14 SAVILE ROW, LONDON	W1S 3JN
SLATER MENSWEAR	165 HOWARD ST, GLASGOW	G1 4HF
CHARLES TYRWHITT SHIRTS	COTTONS CENTRE, COTTONS LANE, LONDON	SE1 2QG
FORBES BESPOKE SUITS LIMITED	141 INGRAM STREET, GLASGOW	G1 1DW
BERLUTI UK LTD	39-42, NEW BOND STREET, 2ND FLOOR, LONDON	W1S 2SQ
TAILOR MADE LONDON LTD	80 BRITANNIA WALK, LONDON	N1 7RH
PAL ZILERI LTD.	20 OLD BAILEY, LONDON	EC4M 7AN
SIGNATURE BESPOKE LIMITED	INDIA BUILDING, WATER STREET, LIVERPOOL, MERSEYSIDE	L2 0RR
SUIT SUPPLY UK LTD	ONE ANGEL COURT, 13TH FLOOR, LONDON	EC2R 7HJ
JEROME CLOTHIERS UK LTD	21 ELLIS STREET, LONDON	SW1X 9AL
ELEVENTY WORLD UK LTD	50 PINGLE DRIVE, BICESTER	OX26 6WD
TROTTER AND DEANE LIMITED	28 ABBEYGATE STREET, BURY ST EDMUNDS, SUFFOLK	IP33 1UN
RALPH LAUREN UK LIMITED	46 CLARENDON ROAD, WATFORD-HERTFORDSHIRE, UNITED KINGDOM	WD17 1HE
EDIT SUITS PTE LTD	50 SOUTH MOLTON STREET, LONDON	W1K 5SB
HARVEY NICHOLS AND	HARRIET WALK, LONDON	SW1X 7RJ

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Mã bưu chính
COMPANY LTD		
ALL BESPOKE BY SIMON DOWLING LTD	8 THE FORBURY, READING	RG1 3EJ
YOOX NET-A-PORTER GROUP S P A	HM REVENUE AND CUSTOMS, RUBY HOUSE, 8 RUBY PLACE, ABERDEEN	AB10 1ZP
MICHELSBERG TAILORING LTD	24A QUEEN VICTORIA STREET, VICTORIA QUARTER, LEEDS	LS1 6BE
EGOMARK LTD	54 HOXTON SQUARE, LONDON	N1 6PB
BAILEY NI TRADING LTD	77 COMMERCIAL STREET, LONDON	E1 6BD
SUIT SUPPLY B. V.	HM REVENUE AND CUSTOMS, RUBY HOUSE, 8 RUBY PLACE, ABERDEEN	AB10 1ZP
ATELIER SAMAN AMEL AB	HM REVENUE AND CUSTOMS, RUBY HOUSE, 8 RUBY PLACE, ABERDEEN	AB10 1ZP
CANALI RETAIL UK LTD	THIRD FLOOR EAST, 12 BRIDEWELL PLACE, LONDON	EC4V 6AP
TJX UK	73 CLARENDON ROAD, WATFORD	WD17 1TX
LUCA FALONI LTD	FLAT 5, 11 AIRLIE GARDENS, KENSINGTON, LONDON	W8 7AL
CAD AND THE DANDY LTD	1ST FLOOR, 13 SAVILE ROW, LONDON	W1S 3NE
GIORGIO ARMANI RETAIL SRL	5 HOWICK PLACE, LONDON	SW1P 1WG
H. HUNTSMAN & SONS LIMITED	11 SAVILE ROW, LONDON	W1S 3PS
MYTHERESA.COM GMBH	HM REVENUE AND CUSTOMS, RUBY HOUSE, 8 RUBY PLACE, ABERDEEN	AB10 1ZP
STUNCROFT LTD	UNIT 2-3, ISLAND DRIVE, DONCASTER	DN8 5UE
CHRISTIAN DIOR UK LIMITED	1 BARLOW PLACE, LONDON	W1J 6DG
RALPH LAUREN EUROPE SARL	HM REVENUE AND CUSTOMS, RUBY HOUSE, 8 RUBY PLACE, ABERDEEN	AB10 1ZP
SELFRIDGES RETAIL LTD	ROBERT ASHER, SELFRIDGES RETAIL LTD, 400 OXFORD STREET, LONDON	W1A 1AB
PAUL SMITH LTD	THE POPLARS, LENTON LANE, NOTTINGHAM	NG7 2PW
FANTASIA (LONDON) LIMITED	37 NEW BOND STREET, LONDON	W1S 2RU
BRUNELLO CUCINELLI (ENGLAND)	111 PARK STREET, LONDON	W1K 7JF
LORO PIANA GB LTD	47-48 SLOANE STREET, LONDON	SW1X 9LU

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Mã bưu chính
TOM JAMES UK LTD	SIMON HERRING, TOM JAMES UK LTD, 11 OLD JEWRY, LONDON	EC2R 8DU
HARRODS LTD	DISTRIBUTION CENTRE GRANT WAY, SYON LANE, ISLEWORTH, MIDDLESEX	TW7 5QD
CLEMENTS AND CHURCH LIMITED	1343 WARWICK ROAD, KNOWLE, SOLIHULL	B93 9LW
PRADA RETAIL UK LIMITED	17-18 OLD BOND STREET, LONDON	W1S 4PT
MARK STEPHEN MARENGO INTERNATIONAL LIMITED	PIONEER WORKS, MALVERN ROAD, MAIDENHEAD	SL6 7RD
SMCP UK LIMITED	15 KING STREET, LONDON	WC2E 8HN
GUCCI LIMITED	5TH FLOOR, REAR SUITE, OAKFIELD HOUSE, 35 PERRYMOUNT ROAD, HAYWARDS HEATH	RH16 3BW
SARTO LUXURY TAILORING LIMITED	27A DUKE STREET, LIVERPOOL	L1 5AP
MASTER TAILOR LIMITED	1 SANDMOOR CHASE, LEEDS	LS17 7TB
SARTORIA ROSSI UK LTD	107 JERMYN STREET, LONDON	SW1Y 6EE
THE NET-A-PORTER GROUP LIMITED	1 THE VILLAGE OFFICES, WESTFIELD LONDON SHOPPING, CENTRE, ARIEL WAY LONDON	W12 7GF
BURST INC. LTD	THE BASEMENT FLAT, 24 CHARLWOOD STREET, LONDON	SW1V 2DY
THE GLASS SUIT COMPANY LTD	123 FONTHILL ROAD, LONDON, GREATER LONDON	N4 3HH
FREEDOM CLOTHING LIMITED	86-90 PAUL STREET LONDON, ENGLAND	EC2A 4NE
JACK DAVISON BESPOKE LIMITED	35-37 LUDGATE HILL, LONDON	EC4M 7JN
SUITED AND BOOTED DUBAI LTD	133 CLERMISTON ROAD, EDINBURGH	EH12 6UR
LOUIS VUITTON UK LIMITED	2ND FLOOR, 39-42 NEW BOND STREET, LONDON	W1S 2SQ
CB BESPOKE LTD	22 KENT ROAD, ST CRISPINS, NORTHAMPTON	NN5 4DR
JAX DESIGNER CLASSICS LTD	3-4 WELL COURT, BANK STREET, SEVENOAKS	TN13 1UN
ALEXANDRA WOOD LTD	BARN 1, WARREN PARK HERITAGE, GREEN TYE, MUCH HADHAM	SG10 6FF

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Mã bưu chính
FASHION BY DESIGN LIMITED	1-4 THE TANYARD, TRING ROAD, WENDOVER, AYLESBURY, BUCKINGHAMSHIRE	HP22 6ND
J AND L DESIGNS LIMITED	MONCK COTTAGE, 19 FLEET ROAD, FLEET	GU51 3QF
SPC.MODA LIMITED	17 THE SQUARE, HESSLE, EAST YORKSHIRE	HU13 0AE
RAYMOND (EUROPE) LIMITED	4TH FLOOR, BARRATT HOUSE, 341-349 OXFORD STREET, LONDON	W1C 2JE
A.F WHITE MANUFACTURERS LTD	18A DRUMHIRK ROAD, COMBER, NEWTOWNARDS	BT23 5LY
DOLCE & GABBANA UK LTD	FOURTH FLOOR, 10 ALBEMARLE, LONDON	W1S 4HH
THRESHER & GLENNY LTD	1 MIDDLE TEMPLE LANE, TEMPLE, LONDON	EC4Y 9AF
BESPOKE COUTURE LIMITED	30 SAVILE ROW, LONDON	W1S 3PT
FARFETCH UK LIMITED	THE BOWER, 211 OLD STREET, LONDON	EC1V 9NR
KITON UK LTD	14A CLIFFORD STREET, MAYFAIR, LONDON	W1S 4JX
ISAIA UK PRIVATE LIMITED	45 CONDUIT STREET, LONDON	W1S 2YN
BOGGI (UK) LTD	48 JERMYN STREET, LONDON	SW1Y 6LX
RICHARD GELDING LIMITED	27 NORTH AUDLEY STREET, LONDON	W1K 6WU
LUXURY GOODS OUTLET S.R.L	5TH FLOOR REAR SUITE, OAKFIELD HOUSE, 35 PERRYMOUNT ROAD, HAYWARDS HEATH	RH16 3BW
MATTHEW HORSTEAD	39 NORTH STREET, CHICHESTER, WEST SUSSEX	PO19 1LX
RUBINACCI UK LTD	96 MOUNT STREET, LONDON	W1K 2TB
ALTERED STATES TAILORING SPECIALISTLIMITED	UNIT U001, UPPER ROSE GALLERY, BLUEWATER, GREENHITHE	DA9 9SP
CHRISTIAN DIOR COUTURE SA	HM REVENUE AND CUSTOMS, RUBY HOUSE, 8 RUBY PLACE, ABERDEEN	AB10 1ZP
COPPERFIELD	69 MOORGATE, LONDON	EC2R 6BH
BOUTIQUE HOMME GOLDERS GREEN LTD	69 GOLDERS GREEN ROAD, LONDON	NW11 8EL
GIVENCHY COUTURE LIMITED	GIVENCHY COUTURE LIMITED, C/O BROWNE JACOBSON LLP, 6 BEVIS MARKS, LONDON	EC3A 7BA
DD WORLD LTD	3 RIVERSIDE GARDENS, LONDON,	N3 3GR

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Mã bưu chính
	UNITED KINGDOM	
DEMAIN 1953	96-98, OXFORD ROAD, READING	RG1 7LJ
NICHOLAS SIMON TAILORING	56 Caldecott Street Rugby, Warwickshire	CV21 3TH
KARAGEORGE CORPORATION LTD	5 GAINSBOROUGH ROAD, LEICESTER	LE2 3DG
NORTON BARRIE (II) LIMITED	UNIT 2, SPRINGFIELD HOUSE, WATER LANE, WILMSLOW	SK9 5AA
DOHERTY EVANS STOTT TAILORING LTD	64 BRIDGE STREET, MANCHESTER	M3 3BN
LEWIS YATES LTD	80 HIGH STREET, BILLERICAY, ESSEX	CM12 9BT
ATT FASHION LTD	BLYTHE HALL, BLYTHE LANE, LATHOM, ORMSKIRK	L40 5TY
DOLCE & GABBANA LONDON BRANCH	6-8 OLD BOND STREET, LONDON	W1S 4PH
TURNBULL & ASSER LTD	14 SOUTH STREET, LONDON	W1K 1DF
OLD & CAMPBELL LTD	20-21 WESTOVER ROAD, BOURNEMOUTH	BH1 2BY
HOLLAND & HOLLAND LTD	906 HARROW ROAD, LONDON	NW10 5JT

Nguồn: Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia Anh

3. CẬP NHẬT CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH HÀNG DỆT MAY TẠI THỊ TRƯỜNG UKVFTA

Năm 2025, ngành dệt may Vương quốc Anh sẽ tập trung chuyển đổi sang mô hình tuần hoàn thông qua Hiệp ước Dệt may Vương quốc Anh, yêu cầu áp dụng Hộ chiếu Sản phẩm Kỹ thuật số để minh bạch hóa chuỗi cung ứng và tăng cường các chương trình Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất (EPR) cho ngành dệt may. Những phát triển chính sách quan trọng bao gồm cải cách mua sắm công để ưu tiên hàng dệt may kỹ thuật, tăng cường đào tạo kỹ năng và chương trình học nghề, thúc đẩy triển khai tài chính bền vững, tập trung vào báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp.

3.1. Bản cập nhật của Hiệp hội Thời trang và Dệt may Vương quốc Anh (UKFT) về thỏa thuận thuế quan giữa Hoa Kỳ và EU

Ngày 27 tháng 7 năm 2025, Hoa Kỳ đã áp dụng mức thuế quan tối đa là 15% đối với hàng hóa có nguồn gốc từ EU nhập khẩu vào Hoa Kỳ, trừ khi mức thuế quan MFN cho mã hàng hóa cao hơn.

Những thỏa thuận đã đạt được:

Nếu mức thuế suất MFN của Hoa Kỳ dưới 15%, thì hàng xuất khẩu từ EU sẽ phải chịu mức trần 15%. Ví dụ, một chiếc mũ đan có mã hàng hóa/HS là 6505.00.15 có mức thuế suất MFN là 7,9%, thấp hơn 15% và giờ sẽ trở thành 15% khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ nếu chiếc mũ đó có nguồn gốc từ EU.

Nếu thuế suất MFN trên 15%, thì chỉ áp dụng mức thuế suất MFN – không cộng gộp hoặc thuế bổ sung. Ví dụ, quần cotton nữ có mã hàng hóa/HS là 6204.62.80 có mức thuế suất MFN là 16,6%, cao hơn 15% và sẽ tiếp tục ở mức 16,6% khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ nếu quần có nguồn gốc từ EU.

Điều này thay thế khuôn khổ trước đây, trong đó thuế quan và thuế quan bổ sung được xếp chồng lên nhau và đạt mức thuế suất chung cực kỳ cao.

Những cân nhắc dành cho doanh nghiệp thời trang và dệt may tại Vương quốc Anh

Các doanh nghiệp Anh xuất khẩu hàng hóa có nguồn gốc từ EU có thể được hưởng lợi từ việc giảm thuế quan khi vào Hoa Kỳ.

Các hoạt động sản xuất hoặc hoàn thiện có trụ sở tại EU hiện có thể chứng kiến khả năng cạnh tranh được cải thiện trên các thị trường xuyên Đại Tây Dương.

Mức trần 15% không áp dụng cho hàng hóa có nguồn gốc từ Anh, do đó, các nhà xuất khẩu của Anh nên tiếp tục tham khảo các thỏa thuận hiện có giữa Anh và Hoa Kỳ, bao gồm thuế quan MFN cộng với mức cơ sở bổ sung 10%.

3.2. Bảy lĩnh vực chính sách và ưu tiên chính của UKFT ²

Tháng 2/2025, Hiệp hội Thời trang và Dệt may Vương quốc Anh (UKFT) đã gửi báo cáo lên Bộ Tài chính Anh trong khuôn khổ Đánh giá Chi tiêu của Chính phủ Anh, kêu gọi chính phủ đầu tư vào ngành thời trang và dệt may Anh để thúc đẩy tăng trưởng, hỗ trợ việc làm tại địa phương và đảm bảo tương lai cho ngành. Dưới đây là bảy lĩnh vực ưu tiên và chính sách chính:

- *Hỗ trợ xuất khẩu*: Khôi phục Chương trình Tiếp cận triển lãm Thương mại và tăng cường hỗ trợ của đại sứ quán cho các công ty thời trang và dệt may Anh ở nước ngoài. Điều này sẽ mang lại lợi nhuận đáng kể cho khoản đầu tư của chính phủ, như đã được chứng minh qua các chương trình trước đây, và hỗ trợ các doanh nghiệp Anh trên thị trường toàn cầu. UKFT tin tưởng chắc chắn rằng các triển lãm thương mại quốc tế, kết hợp với các chuyến công tác chuyên ngành, là một công cụ mạnh mẽ giúp các công ty nhỏ hơn bắt đầu xuất khẩu và mở rộng kinh doanh. Loại hình hoạt động này cũng giúp các công ty lớn hơn thâm nhập thị trường mới, làm tăng nhu cầu đối với thời trang và dệt may Anh trên toàn thế giới.

- *Kinh tế tuần hoàn và Phát thải Net Zero* : Giới thiệu chương trình Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất (EPR) dành riêng cho ngành dệt may, khuyến khích độ bền và xử phạt các hoạt động không bền vững. Như đã nêu trong sách trắng năm ngoái, hệ thống này có thể tạo ra 150 triệu bảng Anh mỗi năm để tài trợ cho các mô hình kinh doanh tuần hoàn và thúc đẩy tính bền vững trong ngành.

- *Tài trợ đổi mới sáng tạo*: Tăng cường tài trợ cho R&D, đặc biệt thông qua Innovate UK, để mang lại lợi ích trực tiếp cho doanh nghiệp thay vì chỉ tập trung chủ yếu vào nghiên cứu học thuật. UKFT cũng tìm kiếm nguồn tài trợ toàn

² <https://ukft.org/spending-review-25/>

phần (100%) cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia vào các dự án đổi mới sáng tạo, nâng cao khả năng tiếp cận và khuyến khích tiến bộ công nghệ.

- *Mua sắm công*: Cải cách các quy tắc mua sắm sau Brexit để ưu tiên các nhà sản xuất của Vương quốc Anh, đặc biệt là trong lĩnh vực dệt may kỹ thuật, hỗ trợ năng lực sản xuất tiên tiến trên nhiều lĩnh vực.

- *Phát triển kỹ năng*: Thúc đẩy cải cách giáo dục nghề nghiệp để ngang hàng với các chương trình học thuật, sử dụng các mô hình như hệ thống của Thụy Sĩ. Điều này bao gồm những thay đổi về cách thức Thuế Kỹ năng và Tăng trưởng hỗ trợ cho việc học nghề và đào tạo.

- *Mua sắm miễn thuế GTGT*: Áp dụng lại chính sách mua sắm miễn thuế GTGT để mang lại lợi ích cho ngành thời trang và dệt may nói chung. Biện pháp này không chỉ thúc đẩy chi tiêu liên quan đến du lịch tại các khu vực trọng điểm như London và các khu vực lân cận, mà còn tạo cơ hội cho các doanh nghiệp địa phương, chẳng hạn như các nhà sản xuất tại Anh cung cấp cho các thương hiệu xa xỉ.

- *Đầu tư sản xuất tiên tiến*: Vận động tài trợ chi tiêu vốn (CapEx) để mở rộng ngành dệt may kỹ thuật và năng lực sản xuất tiên tiến. Đề xuất này dựa trên thành công của Quỹ Tăng trưởng Khu vực và nhấn mạnh tiềm năng của ngành trong việc phục vụ các ngành công nghiệp đa dạng.

3.3. Sách trắng - Tương lai của Quy định về Thời trang tại Vương quốc Anh³

Trong những năm gần đây, đã có những bước phát triển đáng kể trong luật pháp về tính bền vững do Liên minh Châu Âu (EU) và Hoa Kỳ ban hành, áp dụng trực tiếp cho ngành thời trang và dệt may. Mặc dù có nhiều quan điểm khác nhau về hiệu quả của luật này, Vương quốc Anh (UK) vẫn thiếu một khuôn khổ pháp lý thống nhất về thời trang và dệt may của riêng mình. Trên cơ sở đó, nhu cầu cấp thiết về các khuyến nghị chính sách hiệu quả để định hướng cho luật pháp trong nước là rất lớn, và chúng ta có thể học hỏi từ kinh nghiệm của các quốc gia khác để đảm bảo luật pháp Vương quốc Anh là một đòn bẩy hiệu quả để khuyến khích các hoạt động kinh doanh bền vững, tái tạo và tuần hoàn.

³ <https://bateswells.co.uk/updates/bates-wells-and-fashion-declares-have-collaborated-on-a-sustainable-fashion-white-paper-the-future-of-fashion-regulation-in-the-uk/>

Sách trắng này được xây dựng dựa trên những nghiên cứu đã được thực hiện bởi nhiều tổ chức trong ngành thời trang và dệt may, và được khuyến khích bởi việc thành lập gần đây của Lực lượng Đặc nhiệm Kinh tế Tuần hoàn của Vương quốc Anh. Hy vọng sách trắng này sẽ giúp thúc đẩy một cách tiếp cận hợp tác hơn giữa các bên liên quan trong ngành thời trang và dệt may – và cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định của CET.

Ba khuyến nghị chính sách quan trọng nhằm giúp chuyển đổi ngành thời trang và dệt may sang một sân chơi bền vững và bình đẳng hơn:

- Ngưỡng thuế quan de minimis đối với hàng nhập khẩu nên được giảm xuống bằng 0. Điều này hiện đang được các thương hiệu thời trang nước ngoài lợi dụng như một kẽ hở để trốn thuế. Điều đó đang thúc đẩy một cuộc chạy đua xuống đáy về giá và trên thực tế đang đẩy tính bền vững ra khỏi chương trình nghị sự của nhiều thương hiệu thời trang Anh. Cần tiếp tục nghiên cứu cách bảo vệ các công ty nhỏ và bền vững khỏi bị phạt do việc xóa bỏ ngưỡng de minimis. Ví dụ, trong ngắn hạn, điều này ban đầu có thể chỉ áp dụng cho các công ty lớn dựa trên số lượng nhân viên hoặc doanh thu. Tuy nhiên, một giải pháp lâu dài hơn nằm ở việc cập nhật mã thuế quan toàn cầu và điều chỉnh thuế nhập khẩu theo phân loại dựa trên "tác hại". Sau đó, có thể áp dụng miễn thuế hải quan hoặc VAT cho những sản phẩm đạt được thông lệ tốt nhất về sản xuất có đạo đức và bền vững.

- Vương quốc Anh nên áp dụng Chương trình Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất (EPR) cho tất cả hàng dệt may tại Vương quốc Anh với mức phí được phân bổ theo thiết kế tuần hoàn, độ bền, thành phần sợi và phương pháp sản xuất của sản phẩm. Mức phí này nên được phân bổ để tài trợ cho cơ sở hạ tầng cần thiết nhằm tạo ra một nền kinh tế tuần hoàn. Hệ thống EPR cần đơn giản và linh hoạt để các thương hiệu có thể áp dụng. Ưu đãi về tiền tệ nên đủ lớn để khuyến khích các thương hiệu tham gia vào các hoạt động thiết kế tuần hoàn thay vì bỏ qua và/hoặc coi đó là một vấn đề cần né tránh. Mức phí nên được sử dụng để tài trợ cho một loạt các giải pháp toàn diện, bao gồm các trung tâm quần áo cộng đồng trên các con phố chính trên khắp đất nước, tập trung vào việc giáo dục và phát triển các kỹ năng về sửa chữa và tái sử dụng quần áo.

- Vương quốc Anh nên bắt buộc áp dụng hệ thống Hộ chiếu Sản phẩm Kỹ thuật số (DPP). Nước này nên tận dụng vị thế là quốc gia dẫn đầu về dữ liệu và

công nghệ toàn cầu để thúc đẩy việc chuẩn hóa dữ liệu và cho phép dữ liệu thời trang được lưu chuyển dễ dàng trên phạm vi quốc tế. Điều này có thể đảm bảo rằng chỉ cần quét một mã QR đơn giản là có thể xác định bất kỳ khoản phí EPR hoặc thuế hải quan nào phải trả cho một sản phẩm. Dữ liệu nên được tổ chức theo nguyên tắc phân loại/phân loại "tác hại" đối với quần áo và hàng dệt may. Về lâu dài, thông tin này có thể được chuyển đổi thành một hệ thống biểu tượng đơn giản để dán nhãn quần áo cho người tiêu dùng, nhằm thúc đẩy quyết định mua hàng tốt hơn.